

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 19 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 967 sinh viên hệ Đại học chính quy các ngành.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. HL

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- P.TC-KHĐT (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VPT, PQLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 1097- /QĐ-ĐHNL ký ngày 19/10/2026 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH15CK								
1	15118054	Đặng Duy Long	22/06/1997	Nam	2.79	135	Khá	1/2026/DHCQ_NLU
DH17CK								
1	17118085	Nguyễn Đình Phương	08/09/1999	Nam	2.35	135	Trung bình	2/2026/DHCQ_NLU
DH18CC								
1	18118088	Lê Đại Nghĩa	06/04/2000	Nam	2.41	137	Trung bình	3/2026/DHCQ_NLU
DH18CK								
1	18118114	Phạm Phúc Quang	12/11/2000	Nam	2.62	136	Khá	4/2026/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	14/08/2001	Nam	2.50	136	Khá	5/2026/DHCQ_NLU
2	19137050	Trần Hoàng Phi	11/03/2001	Nam	2.28	136	Trung bình	6/2026/DHCQ_NLU
3	19137066	Châu Văn Thanh	27/02/2001	Nam	2.44	136	Trung bình	7/2026/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	14/04/2001	Nam	2.75	136	Khá	10/2026/DHCQ_NLU
2	19154036	Đặng Bảo Hân	22/01/2001	Nam	2.37	136	Trung bình	8/2026/DHCQ_NLU
3	19154076	Trần Anh Khoa	01/07/2001	Nam	2.44	136	Trung bình	9/2026/DHCQ_NLU
DH19TD								
1	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	01/03/2001	Nam	2.32	137	Trung bình	11/2026/DHCQ_NLU
DH20CC								
1	20118192	Trần Danh Lợi	10/12/2002	Nam	2.44	159	Trung bình	12/2026/DHCQ_NLU
2	20118242	Trần Quang Sang	09/10/2002	Nam	2.24	159	Trung bình	13/2026/DHCQ_NLU
3	20118254	Nguyễn Minh Thắng	07/03/2002	Nam	2.22	158	Trung bình	14/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CD								
1	20153084	Võ Phi Hùng	15/09/2002	Nam	2.26	158	Trung bình	15/2026/DHCQ_NLU
2	20153093	Nguyễn Trung Kiên	10/05/2002	Nam	2.25	158	Trung bình	16/2026/DHCQ_NLU
3	20153126	Trần Trương Minh Thống	08/07/2002	Nam	2.32	158	Trung bình	17/2026/DHCQ_NLU
DH20CK								
1	20118164	Trần Trung Hiếu	23/01/2002	Nam	2.52	158	Khá	18/2026/DHCQ_NLU
2	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	18/12/2002	Nam	2.09	158	Trung bình	19/2026/DHCQ_NLU
3	20118245	Trần Minh Tài	23/10/2002	Nam	2.09	159	Trung bình	20/2026/DHCQ_NLU
4	20118258	Ung Ngọc Thành	27/10/2002	Nam	2.71	158	Khá	21/2026/DHCQ_NLU
5	20118276	Huỳnh Quang Trung	12/03/2002	Nam	2.23	158	Trung bình	22/2026/DHCQ_NLU
DH20CKC								
1	20118153	Lê Phan Minh Hải	04/06/2002	Nam	2.51	158	Khá	23/2026/DHCQ_NLU
DH20NL								
1	20137132	Bùi Ngọc Anh Tuấn	04/02/2002	Nam	2.50	158	Khá	24/2026/DHCQ_NLU
2	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	27/05/2002	Nam	2.23	158	Trung bình	25/2026/DHCQ_NLU
3	20137129	Nguyễn Thanh Trang	20/10/2002	Nam	2.15	158	Trung bình	26/2026/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20154090	Võ Thiện Chí	14/04/2001	Nam	2.88	158	Khá	27/2026/DHCQ_NLU
2	20154113	Lê Hoàng Đức Duy	02/01/2002	Nam	2.25	158	Trung bình	28/2026/DHCQ_NLU
3	20154142	Nguyễn Vũ Nhật Huy	17/01/2002	Nam	2.21	158	Trung bình	29/2026/DHCQ_NLU
4	20154146	Nguyễn Quốc Khải	19/03/2002	Nam	2.30	158	Trung bình	30/2026/DHCQ_NLU
5	20154160	Trần Ngọc Linh	27/12/2002	Nam	2.30	158	Trung bình	31/2026/DHCQ_NLU
6	20154212	Nguyễn Thanh Sang	28/02/2002	Nam	2.47	158	Trung bình	32/2026/DHCQ_NLU
7	20154210	Nguyễn Đỗ Hữu Sang	19/07/2002	Nam	2.27	158	Trung bình	33/2026/DHCQ_NLU
8	20154240	Trần Nhật Tuấn	30/06/2002	Nam	2.36	158	Trung bình	34/2026/DHCQ_NLU
9	20154235	Nguyễn Hồ Quốc Trung	06/05/2002	Nam	2.79	158	Khá	35/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21CC								
1	21118172	Huỳnh Hải	Bằng	Nam	2.29	158	Trung bình	36/2026/DHCQ_NLU
2	21118195	Bùi Đại	Danh	Nam	2.68	158	Khá	37/2026/DHCQ_NLU
3	21118026	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	2.98	158	Khá	38/2026/DHCQ_NLU
4	21118273	Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	2.99	158	Khá	39/2026/DHCQ_NLU
5	21118294	Võ Nguyễn Gia	Lập	Nam	2.73	158	Khá	40/2026/DHCQ_NLU
6	21118320	Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nam	2.59	158	Khá	41/2026/DHCQ_NLU
7	21118354	Đinh Văn	Quý	Nam	2.48	158	Trung bình	42/2026/DHCQ_NLU
8	21118414	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	2.71	158	Khá	43/2026/DHCQ_NLU
9	21118394	Phạm Minh	Trí	Nam	2.15	158	Trung bình	44/2026/DHCQ_NLU
DH21CD								
1	21153120	Lê Văn	Dưỡng	Nam	2.60	158	Khá	45/2026/DHCQ_NLU
2	21153116	Lê Văn Thành	Đạt	Nam	2.30	159	Trung bình	46/2026/DHCQ_NLU
3	21153129	Nguyễn An Anh	Hòa	Nam	2.36	158	Trung bình	47/2026/DHCQ_NLU
4	21153133	Nguyễn Thái	Hoàng	Nam	2.38	158	Trung bình	48/2026/DHCQ_NLU
5	21153139	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	3.02	159	Khá	49/2026/DHCQ_NLU
6	21153150	Phan Đức	Mạnh	Nam	2.67	159	Khá	50/2026/DHCQ_NLU
7	21153149	Hồ Xuân	Mẫn	Nam	2.50	159	Khá	51/2026/DHCQ_NLU
8	21153178	Nguyễn Văn	Phương	Nam	2.53	158	Khá	52/2026/DHCQ_NLU
9	21153209	Phạm Quốc	Trung	Nam	2.41	158	Trung bình	53/2026/DHCQ_NLU
10	21153216	Lê Khánh	Văn	Nam	2.51	159	Khá	54/2026/DHCQ_NLU
DH21CK								
1	21118168	Vũ Đình Đồng	An	Nam	2.27	158	Trung bình	55/2026/DHCQ_NLU
2	21118170	Lê Quốc	Anh	Nam	2.30	158	Trung bình	56/2026/DHCQ_NLU
3	21118200	Hoàng Văn	Đạt	Nam	2.14	158	Trung bình	57/2026/DHCQ_NLU
4	21118206	Tô Phạm Hữu	Đức	Nam	2.59	158	Khá	58/2026/DHCQ_NLU
5	21118281	Đào Duy	Kiệt	Nam	3.14	158	Khá	59/2026/DHCQ_NLU
6	21118107	Lý Huỳnh Tấn	Phát	Nam	2.39	159	Trung bình	60/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	21118347	Lê Nhật	Quang	13/08/2003	Nam	2.80	158	Khá	61/2026/DHCQ_NLU
8	21118346	Đỗ Hoàng	Quân	24/11/2003	Nam	2.64	158	Khá	62/2026/DHCQ_NLU
9	21118388	Lê Nguyễn Tân	Tiến	23/10/2003	Nam	2.86	158	Khá	63/2026/DHCQ_NLU
10	21118411	Phạm Hữu Thanh	Tuấn	01/11/2003	Nam	2.90	158	Khá	64/2026/DHCQ_NLU
11	21118413	Trần Hoàng Anh	Tuấn	04/09/2003	Nam	2.50	159	Khá	65/2026/DHCQ_NLU
12	21118378	Nguyễn Ngọc	Thành	14/08/2003	Nam	2.75	158	Khá	66/2026/DHCQ_NLU
13	21118404	Huỳnh Quang	Trưởng	05/10/2003	Nam	2.87	158	Khá	67/2026/DHCQ_NLU
DH21CKC									
1	21118175	Nguyễn Hoài	Bảo	20/12/2003	Nam	2.39	159	Trung bình	68/2026/DHCQ_NLU
2	21118187	Nguyễn Chí	Cường	26/11/2003	Nam	2.03	158	Trung bình	69/2026/DHCQ_NLU
DH21NL									
1	21137047	Nguyễn Nhật	Bảo	10/11/2003	Nam	2.69	158	Khá	70/2026/DHCQ_NLU
2	21137059	Nguyễn Thành	Đạt	24/10/2003	Nam	2.32	158	Trung bình	71/2026/DHCQ_NLU
3	21137005	Trần Thành	Đó	25/01/2002	Nam	2.67	158	Khá	72/2026/DHCQ_NLU
4	21137080	Trần Nhật	Hùng	19/01/2003	Nam	2.86	158	Khá	73/2026/DHCQ_NLU
5	21137091	Lê Hoàng	Khôi	07/05/2003	Nam	2.51	158	Khá	74/2026/DHCQ_NLU
6	21137111	Quách Viết	Nguyễn	04/04/2003	Nam	2.71	158	Khá	75/2026/DHCQ_NLU
7	21137108	Bùi Thành	Ngữ	04/10/2003	Nam	2.18	158	Trung bình	76/2026/DHCQ_NLU
8	21137124	Đoàn Duy	Quang	29/11/2003	Nam	2.56	158	Khá	77/2026/DHCQ_NLU
9	21137123	Nguyễn Khắc Minh	Quân	25/05/2003	Nam	2.53	158	Khá	78/2026/DHCQ_NLU
10	21137148	Lâm Đạo	Tiến	23/10/2003	Nam	2.05	158	Trung bình	79/2026/DHCQ_NLU
11	21137156	Võ Quốc	Toàn	11/10/2003	Nam	2.65	158	Khá	80/2026/DHCQ_NLU
12	21137134	Nguyễn Hoài	Thanh	03/12/2003	Nam	3.22	158	Giỏi	81/2026/DHCQ_NLU
13	21137140	Lê Phúc	Thịnh	09/08/2003	Nam	2.37	159	Trung bình	82/2026/DHCQ_NLU
14	21137037	Phan Đình	Trung	12/06/2003	Nam	2.23	159	Trung bình	83/2026/DHCQ_NLU
DH21OT									
1	21154291	Trần Tuấn	Son	08/05/2003	Nam	2.85	158	Khá	100/2026/DHCQ_NLU
2	21154293	Đinh Công	Tài	04/02/2003	Nam	2.58	158	Khá	101/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21154093	Phan Thành	01/10/2003	Nam	2.96	158	Khá	102/2026/DHCQ_NLU
4	21154300	Nguyễn Đình	12/06/2003	Nam	3.02	158	Khá	103/2026/DHCQ_NLU
5	21154331	Vũ Xuân	17/06/2003	Nam	2.52	158	Khá	104/2026/DHCQ_NLU
6	21154355	Võ Thành	17/07/2003	Nam	2.81	158	Khá	105/2026/DHCQ_NLU
7	21154096	Cao Huỳnh Xuân	16/01/2003	Nam	2.69	158	Khá	106/2026/DHCQ_NLU
8	21154312	Đỗ Minh Tất	10/08/2003	Nam	2.81	158	Khá	107/2026/DHCQ_NLU
9	21154341	Nguyễn Văn	03/09/2003	Nam	2.88	158	Khá	108/2026/DHCQ_NLU
10	21154119	Ngô Hoàng	27/11/2003	Nam	2.97	158	Khá	84/2026/DHCQ_NLU
11	21154133	Nguyễn Quốc	20/02/2003	Nam	2.68	158	Khá	85/2026/DHCQ_NLU
12	21154149	Hoàng Thế Tiểu	11/08/2003	Nam	2.54	158	Khá	86/2026/DHCQ_NLU
13	21154178	Nguyễn Đức	28/10/2003	Nam	2.89	158	Khá	87/2026/DHCQ_NLU
14	21154179	Đoàn Thế	13/11/2003	Nam	2.46	158	Trung bình	88/2026/DHCQ_NLU
15	21154046	Hứa Tuấn	29/08/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	89/2026/DHCQ_NLU
16	21154200	Đoàn Nguyễn Linh	08/09/2003	Nam	2.93	158	Khá	90/2026/DHCQ_NLU
17	21154219	Võ Công	14/07/2003	Nam	2.63	158	Khá	91/2026/DHCQ_NLU
18	21154222	Hồ Nguyễn Thành	05/03/2003	Nam	2.93	158	Khá	92/2026/DHCQ_NLU
19	21154229	Lê	16/08/2003	Nam	2.36	158	Trung bình	93/2026/DHCQ_NLU
20	21154248	Phan Tam	26/09/2003	Nam	2.89	158	Khá	94/2026/DHCQ_NLU
21	21154066	Nguyễn Đức	31/03/2003	Nam	2.85	158	Khá	95/2026/DHCQ_NLU
22	21154247	Nguyễn Tháo	25/05/2003	Nam	2.61	158	Khá	96/2026/DHCQ_NLU
23	21154266	Nguyễn Thanh	20/02/2003	Nam	2.69	158	Khá	97/2026/DHCQ_NLU
24	21154276	Phạm Nguyễn Minh	12/01/2003	Nam	3.03	158	Khá	98/2026/DHCQ_NLU
25	21154286	Mai Phước Trường	10/02/2003	Nam	2.79	158	Khá	99/2026/DHCQ_NLU
DH21RE								
1	21152043	Lê Quý	09/08/2003	Nam	2.37	158	Trung bình	109/2026/DHCQ_NLU
2	21152073	Phạm Tiên	04/08/2003	Nam	2.43	158	Trung bình	110/2026/DHCQ_NLU
DH21RENT								
1	21130258	Bùi Văn	10/09/2003	Nam	2.40	159	Trung bình	111/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21130259	Đỗ Thái Sơn	24/04/2003	Nam	2.92	159	Khá	112/2026/DHCQ_NLU
3	21152026	Phạm Quốc Toàn	22/08/2003	Nam	2.45	159	Trung bình	113/2026/DHCQ_NLU
4	21152096	Ngô Văn Thống	22/04/2003	Nam	2.55	159	Khá	114/2026/DHCQ_NLU
5	21152028	Nguyễn Lê Bảo Vi	22/10/2003	Nữ	3.00	159	Khá	115/2026/DHCQ_NLU
DH21TD								
1	21138123	Từ Minh Hoàng	19/04/2003	Nam	2.67	158	Khá	116/2026/DHCQ_NLU
2	21138150	Ngô Đức Nguyễn	22/06/2002	Nam	2.51	158	Khá	117/2026/DHCQ_NLU
3	21138056	Nguyễn Đức Phước	18/09/2003	Nam	2.84	158	Khá	118/2026/DHCQ_NLU
DH22CD								
1	22153113	Nguyễn Trần Mạnh Tiến	03/05/2004	Nam	3.35	162	Giỏi	119/2026/DHCQ_NLU
Chăn nuôi Thú Y								
DH15TA								
1	15111095	Bùi Thị Quỳnh Như	01/01/1997	Nữ	2.42	136	Trung bình	120/2026/DHCQ_NLU
2	15111096	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24/06/1996	Nữ	2.83	136	Khá	121/2026/DHCQ_NLU
DH16CN								
1	16111166	Hà Phúc Quyền	08/06/1996	Nam	2.30	135	Trung bình	122/2026/DHCQ_NLU
DH16TYGLB								
1	16112365	Văn Bá Tín	05/05/1998	Nam	2.12	165	Trung bình	123/2026/DHCQ_NLU
DH17DY								
1	17112192	Nguyễn Chí Thanh	23/08/1999	Nam	2.62	169	Khá	124/2026/DHCQ_NLU
DH17TT								
1	17112297	Trần Minh Lộc	27/10/1998	Nam	2.52	168	Khá	125/2026/DHCQ_NLU
DH18CN								
1	18111080	Lê Ánh Phương Ngân	22/06/2000	Nữ	2.70	136	Khá	126/2026/DHCQ_NLU
DH18TA								
1	18111142	Nguyễn Phúc Vinh	02/08/2000	Nam	2.50	136	Khá	127/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH18TY								
1	18112292	Lê Thị Thanh	15/06/2000	Nữ	2.61	166	Khá	128/2026/DHCQ_NLU
DH19CN								
1	19111086	Lã Duy	31/08/2001	Nam	2.34	137	Trung bình	129/2026/DHCQ_NLU
DH19TT								
1	19112040	Nguyễn Thế Duy	01/12/2001	Nam	2.99	169	Khá	130/2026/DHCQ_NLU
2	19112254	Trần Mai	04/05/2001	Nữ	2.74	169	Khá	131/2026/DHCQ_NLU
3	19112289	Ngô Nguyễn Hoàng Vy	12/12/2001	Nữ	2.95	169	Khá	132/2026/DHCQ_NLU
DH19TY								
1	19112037	Trần Thị Mỹ	16/05/2001	Nữ	2.50	167	Khá	133/2026/DHCQ_NLU
2	19112038	Hồng Thái	04/10/2001	Nam	2.52	167	Khá	134/2026/DHCQ_NLU
3	19111078	Hứa Văn	17/02/2001	Nam	2.12	167	Trung bình	135/2026/DHCQ_NLU
4	19112119	Nguyễn Thị Kim	04/01/2001	Nữ	2.53	168	Khá	136/2026/DHCQ_NLU
5	19112169	Nguyễn Thị Phương	17/01/2001	Nữ	2.63	167	Khá	137/2026/DHCQ_NLU
6	19112399	Lý Thị	19/08/2000	Nữ	2.42	166	Trung bình	138/2026/DHCQ_NLU
DH19TYGL								
1	19112334	Bạch Quốc	02/11/1999	Nam	2.09	167	Trung bình	139/2026/DHCQ_NLU
2	19112349	Nguyễn Thanh	24/05/2000	Nam	2.17	167	Trung bình	140/2026/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111148	Nguyễn Lê Hoàng Minh	21/01/2002	Nữ	2.62	159	Khá	141/2026/DHCQ_NLU
2	20111242	Trần Thanh	11/06/2002	Nữ	2.69	158	Khá	142/2026/DHCQ_NLU
3	20111308	Lăng Đức	06/02/2002	Nam	2.52	159	Khá	143/2026/DHCQ_NLU
4	20111299	Nguyễn Thanh	24/09/2002	Nam	2.70	158	Khá	144/2026/DHCQ_NLU
5	20111298	Trương Thị Anh	01/08/2002	Nữ	2.54	158	Khá	145/2026/DHCQ_NLU
6	20111305	Kiều Thị Diễm	05/01/2002	Nữ	3.02	158	Khá	146/2026/DHCQ_NLU
7	20111124	Nguyễn Thị Minh	05/12/2002	Nữ	2.29	159	Trung bình	147/2026/DHCQ_NLU
8	20111317	Vũ Thị Lan	16/12/2002	Nữ	2.46	159	Trung bình	148/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20TY								
1	20112192	Võ Kế Bình	21/09/2002	Nam	2.79	167	Khá	149/2026/DHCQ_NLU
2	20112903	Trần Quốc Định	24/07/1999	Nam	2.52	166	Khá	150/2026/DHCQ_NLU
3	20112206	Nguyễn Minh Đô	29/08/2002	Nam	2.46	166	Trung bình	151/2026/DHCQ_NLU
4	20112262	Trần Nhật Lâm	11/09/2002	Nam	2.49	166	Trung bình	152/2026/DHCQ_NLU
5	20112309	Huỳnh Thị Ý Nhi	20/07/2002	Nữ	3.22	166	Giỏi	153/2026/DHCQ_NLU
6	20112328	Huỳnh Vĩnh Phước	29/08/2002	Nam	2.63	166	Khá	154/2026/DHCQ_NLU
7	20112330	Nguyễn Thụy Lan	25/12/2001	Nữ	2.55	166	Khá	155/2026/DHCQ_NLU
8	20112329	Nguyễn Mai Phương	22/03/2002	Nữ	3.04	167	Khá	156/2026/DHCQ_NLU
9	20112375	Đặng Hồng Tiên	19/09/2002	Nữ	2.32	167	Trung bình	157/2026/DHCQ_NLU
10	20112390	Lăng Thị Huyền Trang	07/11/2002	Nữ	2.96	166	Khá	158/2026/DHCQ_NLU
11	20112381	Lâm Thị Huyền Trâm	08/01/2002	Nữ	2.71	166	Khá	159/2026/DHCQ_NLU
12	20112384	Đỗ Khánh Trân	07/08/2002	Nam	2.38	166	Trung bình	160/2026/DHCQ_NLU
13	20112386	Lê Thị Ngọc Trân	15/04/2002	Nữ	2.87	167	Khá	161/2026/DHCQ_NLU
14	20112402	Võ Quang Trung	20/02/2002	Nam	2.91	167	Khá	162/2026/DHCQ_NLU
15	20112409	Hoàng Đào Thiện Vi	04/03/2002	Nữ	2.40	166	Trung bình	163/2026/DHCQ_NLU
16	20112114	Trần Như Vy	06/07/2002	Nữ	2.76	167	Khá	164/2026/DHCQ_NLU
DH20TYGL								
1	20112448	Lê Thị Mỹ Ngọc	07/09/2002	Nữ	2.52	166	Khá	165/2026/DHCQ_NLU
2	20112455	Huỳnh Thị Thu Thảo	14/10/2002	Nữ	2.55	166	Khá	166/2026/DHCQ_NLU
3	20112426	Phạm Nguyễn Uyên Vy	07/05/2002	Nữ	3.12	166	Khá	167/2026/DHCQ_NLU
DH20TYNT								
1	20112430	Lê Trung Linh	13/08/2002	Nam	2.34	166	Trung bình	168/2026/DHCQ_NLU
2	20135043	Bùi Nguyễn Anh Quân	05/03/2000	Nam	2.78	166	Khá	169/2026/DHCQ_NLU
DH21CN								
1	21111181	Lữ Như An	23/05/2003	Nữ	2.62	159	Khá	170/2026/DHCQ_NLU
2	21111222	Phan Nguyễn Mỹ Duyên	01/01/2003	Nữ	3.12	158	Khá	171/2026/DHCQ_NLU
3	21111229	Huỳnh Thị Thu Hạ	28/01/2003	Nữ	2.78	158	Khá	172/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	21111230	Huỳnh Văn	Hải	Nam	2.53	158	Khá	173/2026/DHCQ_NLU
5	21111243	Doanh Đức	Hiếu	Nam	2.44	158	Trung bình	174/2026/DHCQ_NLU
6	21111251	Đặng Phúc	Hung	Nam	2.54	158	Khá	175/2026/DHCQ_NLU
7	21111050	Võ Tấn	Hung	Nam	2.66	158	Khá	176/2026/DHCQ_NLU
8	21111254	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	Nữ	3.02	159	Khá	177/2026/DHCQ_NLU
9	21111069	Từ Thị Thùy	Linh	Nữ	2.40	159	Trung bình	178/2026/DHCQ_NLU
10	21111287	Kiều Thị Ngọc	Mai	Nữ	2.89	158	Khá	179/2026/DHCQ_NLU
11	21111310	Nguyễn Thảo	Nhi	Nữ	2.41	159	Trung bình	180/2026/DHCQ_NLU
12	21111324	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	2.89	158	Khá	181/2026/DHCQ_NLU
13	21111330	Lê Văn	Quí	Nam	2.64	159	Khá	182/2026/DHCQ_NLU
14	21111350	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	2.70	158	Khá	183/2026/DHCQ_NLU
15	21111359	Võ Thị Thanh	Thư	Nữ	2.54	159	Khá	184/2026/DHCQ_NLU
16	21111357	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	2.96	158	Khá	185/2026/DHCQ_NLU
17	21111379	Lê Minh	Triết	Nam	2.62	159	Khá	186/2026/DHCQ_NLU
18	21111384	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	2.92	158	Khá	187/2026/DHCQ_NLU
19	21111389	Hồ Quốc	Trung	Nam	2.74	158	Khá	188/2026/DHCQ_NLU
20	21111407	Chung Điền Chấn	Vũ	Nam	2.70	159	Khá	189/2026/DHCQ_NLU
DH21DY								
1	21112650	Nguyễn Nữ Mai	Thơ	Nữ	3.26	166	Giỏi	190/2026/DHCQ_NLU
2	21112684	Lương Thị Thùy	Trang	Nữ	3.21	167	Giỏi	191/2026/DHCQ_NLU
DH21TA								
1	21111267	Huỳnh Văn	Khôi	Nam	3.27	158	Giỏi	192/2026/DHCQ_NLU
2	21111288	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	2.86	159	Khá	193/2026/DHCQ_NLU
DH21TYA								
1	21112069	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	Nữ	3.17	166	Khá	194/2026/DHCQ_NLU
2	21112496	Lương Thị Thùy	Linh	Nữ	2.62	167	Khá	195/2026/DHCQ_NLU
3	21112561	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Nhi	Nữ	2.77	167	Khá	196/2026/DHCQ_NLU
4	21112288	Phạm Trần Ngọc	Tuyết	Nữ	3.25	167	Giỏi	197/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21112268	Nguyễn Võ Bảo Trân	30/03/2003	Nữ	3.38	166	Giỏi	198/2026/DHCQ_NLU
DH21TYB								
1	21112034	Nguyễn Hoàng Hải	24/09/2003	Nam	3.15	166	Khá	199/2026/DHCQ_NLU
2	21112073	Đỗ Triệu	26/10/2003	Nam	2.94	166	Khá	200/2026/DHCQ_NLU
3	21112583	Lê Thị Hồng	26/12/2003	Nữ	3.35	166	Giỏi	201/2026/DHCQ_NLU
4	21112611	Võ Thị Mỹ	23/04/2003	Nữ	3.17	166	Khá	202/2026/DHCQ_NLU
5	21112236	Lê Minh	16/04/2003	Nữ	3.64	166	Xuất sắc	203/2026/DHCQ_NLU
6	21112233	Đỗ Anh	07/11/2003	Nữ	3.52	167	Giỏi	204/2026/DHCQ_NLU
Kinh tế								
DH15QT								
1	15122183	Trịnh Công	01/04/1997	Nam	2.79	136	Khá	205/2026/DHCQ_NLU
2	15122239	Cao Quốc Trí	08/06/1997	Nam	2.81	138	Khá	206/2026/DHCQ_NLU
DH17KT								
1	17120184	Trần Trọng	10/02/1999	Nam	2.96	136	Khá	207/2026/DHCQ_NLU
DH18QT								
1	18122500	Trần Nam	05/10/2000	Nam	2.87	136	Khá	208/2026/DHCQ_NLU
DH18TC								
1	18122176	Đoàn Bích	27/06/2000	Nữ	2.99	137	Khá	209/2026/DHCQ_NLU
DH19KE								
1	19123049	Nguyễn Đăng	13/09/2001	Nam	2.89	136	Khá	210/2026/DHCQ_NLU
DH19KM								
1	19120040	Trần Nguyễn Trúc	13/11/2001	Nữ	2.55	137	Khá	211/2026/DHCQ_NLU
DH19QT								
1	19122153	Đặng Thanh	13/02/2001	Nam	3.06	136	Khá	212/2026/DHCQ_NLU
2	18130167	Trương Thị	14/04/2000	Nữ	3.28	136	Giỏi	213/2026/DHCQ_NLU
DH19TM								
1	19122036	Nguyễn Thị Mỹ	01/09/2001	Nữ	3.53	137	Giỏi	214/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20KM								
1	20120282	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	3.27	136	Giỏi	215/2026/DHCQ_NLU
DH20KN								
1	20155078	Huỳnh Thị Thuý	An	Nữ	2.78	136	Khá	216/2026/DHCQ_NLU
2	20155123	Võ Huỳnh	Ngân	Nữ	2.84	136	Khá	217/2026/DHCQ_NLU
3	20155159	Trình Đức	Trí	Nam	2.88	136	Khá	218/2026/DHCQ_NLU
4	20155172	Ngô Minh	Vũ	Nam	2.67	136	Khá	219/2026/DHCQ_NLU
DH20KT								
1	20120288	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	2.68	137	Khá	220/2026/DHCQ_NLU
DH20QT								
1	20122271	Nguyễn Mạnh	Đình	Nam	3.06	136	Khá	221/2026/DHCQ_NLU
2	20112060	Lý Minh	Ngọc	Nữ	3.80	136	Xuất sắc	222/2026/DHCQ_NLU
DH20QTC								
1	20122375	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	3.11	137	Khá	223/2026/DHCQ_NLU
2	20122472	Phạm Trần Ngọc	Phượng	Nữ	2.62	136	Khá	224/2026/DHCQ_NLU
3	20122560	Võ Thị Lan	Trinh	Nữ	2.97	139	Khá	225/2026/DHCQ_NLU
DH20QTNT								
1	20122621	Nguyễn Thị Mai	Chi	Nữ	2.96	136	Khá	226/2026/DHCQ_NLU
DH20TM								
1	20122324	Đào Thị Bích	Hộp	Nữ	2.91	137	Khá	227/2026/DHCQ_NLU
DH21KE								
1	21123045	Lê Thị Kim	Hương	Nữ	3.02	136	Khá	228/2026/DHCQ_NLU
DH21KEGL								
1	21123334	Lê Xuân	Mai	Nữ	2.36	137	Trung bình	229/2026/DHCQ_NLU
DH21KM								
1	21120327	Trần Thuý	An	Nữ	3.00	137	Khá	230/2026/DHCQ_NLU
2	21120067	Đình Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	2.82	137	Khá	231/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21120454	Đào Phương Huyền	Nhi	Nữ	3.16	137	Khá	232/2026/DHCQ_NLU
4	21120586	Nguyễn Hà Ánh	Tuyết	Nữ	3.42	139	Giỏi	233/2026/DHCQ_NLU
5	21120540	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	2.88	137	Khá	234/2026/DHCQ_NLU
DH21KN								
1	21155092	Nguyễn Lê Quốc	Hiệp	Nam	3.34	136	Giỏi	235/2026/DHCQ_NLU
2	21155145	Võ Trúc	Quỳnh	Nữ	3.08	137	Khá	236/2026/DHCQ_NLU
3	21155184	Lý Thị Xuân	Việt	Nữ	2.93	136	Khá	237/2026/DHCQ_NLU
4	21155185	Đổng Thanh	Vũ	Nam	3.47	136	Giỏi	238/2026/DHCQ_NLU
DH21KT								
1	21120367	Nguyễn Hoàng Mỹ	Duyên	Nữ	3.26	137	Giỏi	239/2026/DHCQ_NLU
2	21120370	Trần Thị Lan	Em	Nữ	3.29	137	Giỏi	240/2026/DHCQ_NLU
3	21120411	Nguyễn Thị	Lành	Nữ	3.39	136	Giỏi	241/2026/DHCQ_NLU
4	21120420	Phạm Hoàng Phi	Long	Nam	2.76	137	Khá	242/2026/DHCQ_NLU
5	21120421	Nguyễn Văn	Luân	Nam	2.82	137	Khá	243/2026/DHCQ_NLU
6	21120126	Đinh Thị Xuân	Mai	Nữ	3.11	136	Khá	244/2026/DHCQ_NLU
7	21120462	Trần Thị	Nhi	Nữ	3.30	137	Giỏi	245/2026/DHCQ_NLU
8	21120486	Phan Nhật	Phương	Nam	2.60	137	Khá	246/2026/DHCQ_NLU
9	21120212	Nguyễn Huỳnh Kim	Phượng	Nữ	2.98	136	Khá	247/2026/DHCQ_NLU
10	21120492	Bùi Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	3.00	137	Khá	248/2026/DHCQ_NLU
11	21120574	Đỗ Thị Thanh	Tú	Nữ	2.90	138	Khá	249/2026/DHCQ_NLU
12	21120579	Mai Thị Thanh	Tuyền	Nữ	2.64	136	Khá	250/2026/DHCQ_NLU
13	21120569	Đặng Lê Quang	Trương	Nam	3.21	136	Giỏi	251/2026/DHCQ_NLU
14	21120590	Tô Thị Phương	Uyên	Nữ	2.92	137	Khá	252/2026/DHCQ_NLU
15	21120606	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	2.60	136	Khá	253/2026/DHCQ_NLU
DH21QT								
1	21122498	Nguyễn Công	Danh	Nam	3.42	137	Giỏi	254/2026/DHCQ_NLU
2	21122534	Nguyễn Nguyễn Minh	Hạ	Nam	3.26	136	Giỏi	255/2026/DHCQ_NLU
3	21122098	Trần Huỳnh Thảo	Hiếu	Nữ	3.24	136	Giỏi	256/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	21122557	Nguyễn Minh	Hoàng	25/05/2003	Nam	3.20	138	Khá	257/2026/DHCQ_NLU
5	21122128	Võ Văn	Kiệt	29/09/2003	Nam	3.69	136	Xuất sắc	258/2026/DHCQ_NLU
6	21122620	Lê Châu Huệ	Minh	04/12/2003	Nam	3.21	137	Giỏi	259/2026/DHCQ_NLU
7	21122641	Hoàng Minh	Ngọc	18/12/2003	Nam	2.65	136	Khá	260/2026/DHCQ_NLU
8	21122679	Nguyễn Anh	Quý	16/01/2003	Nam	3.51	139	Giỏi	261/2026/DHCQ_NLU
9	21122688	Lê Trần Diễm	Quỳnh	11/05/2003	Nữ	3.09	136	Khá	262/2026/DHCQ_NLU
10	21122700	Hoàng Thị	Thắm	28/03/2003	Nữ	3.08	137	Khá	263/2026/DHCQ_NLU
DH21QTCA									
1	21122484	Trịnh Thị Lan	Anh	27/09/2003	Nữ	3.20	136	Giỏi	264/2026/DHCQ_NLU
2	21122675	Nguyễn Huỳnh Kim	Phương	08/05/2003	Nữ	3.72	137	Xuất sắc	265/2026/DHCQ_NLU
3	21122816	Lê Trương Thảo	Vy	02/01/2003	Nữ	3.42	137	Giỏi	266/2026/DHCQ_NLU
4	21122825	Nguyễn Thị Như	Ý	01/05/2003	Nữ	3.61	136	Xuất sắc	267/2026/DHCQ_NLU
5	21122827	Vũ Phan Như	Ý	16/05/2003	Nữ	3.03	136	Khá	268/2026/DHCQ_NLU
DH21QTCB									
1	21122531	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	09/07/2003	Nữ	3.32	137	Giỏi	269/2026/DHCQ_NLU
2	21122560	Nguyễn Ngọc Như	Hồng	26/02/2003	Nữ	2.72	136	Khá	270/2026/DHCQ_NLU
3	21122600	Võ Thị Ngọc	Linh	03/09/2003	Nữ	3.21	137	Giỏi	271/2026/DHCQ_NLU
4	21122610	Phạm Duy	Long	16/09/2003	Nam	3.26	136	Giỏi	272/2026/DHCQ_NLU
5	21122668	Nguyễn Lê Tú	Oanh	11/03/2003	Nữ	3.07	136	Khá	273/2026/DHCQ_NLU
6	21122785	Phạm Thị Phương	Trình	01/09/2003	Nữ	3.44	136	Giỏi	274/2026/DHCQ_NLU
DH21QTTN									
1	21128304	Hoàng Thanh	Nguyễn	12/01/2002	Nam	3.03	137	Khá	275/2026/DHCQ_NLU
2	21122892	Trần Thùy	Trình	09/03/2003	Nữ	3.25	137	Giỏi	276/2026/DHCQ_NLU
DH21TC									
1	21122603	Hà Phước	Lộc	21/07/2003	Nam	2.90	137	Khá	277/2026/DHCQ_NLU
DH21TM									
1	21122471	Lê Minh	An	20/08/2003	Nam	2.64	136	Khá	278/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21122501	Nguyễn Quốc Đạt	30/04/2003	Nam	2.76	136	Khá	279/2026/DHCQ_NLU
3	21122575	Nguyễn Thuận Khang	29/06/2003	Nam	2.91	136	Khá	280/2026/DHCQ_NLU
4	21122640	Võ Đỗ Thị Thanh Nghĩa	28/07/2003	Nữ	3.30	136	Giỏi	281/2026/DHCQ_NLU
5	21122797	Nguyễn Hoàng Tuấn	02/12/2003	Nam	3.19	137	Khá	282/2026/DHCQ_NLU
6	21122709	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/07/2003	Nữ	2.90	137	Khá	283/2026/DHCQ_NLU
7	21122717	Vũ Nguyễn Nam Thiên	19/10/2003	Nam	3.21	137	Giỏi	284/2026/DHCQ_NLU
8	21122778	Phạm Thị Huyền Trang	21/05/2003	Nữ	2.98	136	Khá	285/2026/DHCQ_NLU
DH22KE								
1	22123049	Bùi Duy Huy	11/11/2004	Nam	3.77	142	Xuất sắc	286/2026/DHCQ_NLU
2	22123115	Phan Mai Minh Phương	31/05/2004	Nữ	3.39	140	Giỏi	287/2026/DHCQ_NLU
3	22123152	Nguyễn Hoàng Cẩm Tiên	19/03/2004	Nữ	3.76	140	Xuất sắc	288/2026/DHCQ_NLU
DH22KM								
1	22120018	Nguyễn Bảo Châu	02/07/2004	Nữ	3.63	137	Xuất sắc	289/2026/DHCQ_NLU
2	22120063	Nguyễn Tường Huy	28/12/2004	Nam	3.39	137	Giỏi	290/2026/DHCQ_NLU
3	22120174	Võ Phạm Kim Thoa	20/10/2004	Nữ	3.34	137	Giỏi	291/2026/DHCQ_NLU
4	22120222	Lê Nguyễn Thảo Vy	31/05/2004	Nữ	3.58	137	Giỏi	292/2026/DHCQ_NLU
DH22KN								
1	22155028	Phan Hồ Mỹ Hân	20/08/2004	Nữ	3.73	137	Xuất sắc	293/2026/DHCQ_NLU
2	22155044	Trần Ngọc Huyền	09/11/2004	Nữ	2.92	137	Khá	294/2026/DHCQ_NLU
3	22155046	Nguyễn Nhật Khang	28/11/2004	Nam	3.35	137	Giỏi	295/2026/DHCQ_NLU
4	22155067	Đặng Hoàn Mỹ	11/01/2004	Nữ	3.30	136	Giỏi	296/2026/DHCQ_NLU
5	22155088	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2004	Nữ	3.35	137	Giỏi	297/2026/DHCQ_NLU
6	22155102	Nguyễn Lê Băng Thanh	30/08/2004	Nữ	2.69	136	Khá	298/2026/DHCQ_NLU
7	22155116	Nguyễn Thị Thanh Thúy	25/05/2004	Nữ	3.63	137	Xuất sắc	299/2026/DHCQ_NLU
8	22155121	Trần Ngọc Trân	09/11/2004	Nữ	2.97	137	Khá	300/2026/DHCQ_NLU
9	22155131	Nguyễn Lan Vi	04/09/2004	Nữ	3.76	137	Xuất sắc	301/2026/DHCQ_NLU
10	22155137	Hoàng Thị Hải Yến	22/12/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	302/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22KT								
1	22120005	Đặng Ngọc Anh	13/03/2004	Nam	3.52	136	Giỏi	303/2026/DHCQ_NLU
2	22120013	Lê Ngọc Ánh	08/08/2004	Nữ	3.39	136	Giỏi	304/2026/DHCQ_NLU
3	22120037	Nguyễn Thị Tường Duyên	21/11/2004	Nữ	3.53	136	Giỏi	305/2026/DHCQ_NLU
4	22120034	Nguyễn Huỳnh Mỹ Duyên	18/12/2004	Nữ	2.99	136	Khá	306/2026/DHCQ_NLU
5	22120048	Lê Thị Diệu Hào	06/02/2004	Nữ	3.48	136	Giỏi	307/2026/DHCQ_NLU
6	22120045	Lê Thị Bảo Hân	29/03/2004	Nữ	3.40	136	Giỏi	308/2026/DHCQ_NLU
7	22120051	Dương Minh Hiếu	26/02/2004	Nam	3.87	136	Xuất sắc	309/2026/DHCQ_NLU
8	22120073	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	12/10/2004	Nữ	3.72	136	Xuất sắc	310/2026/DHCQ_NLU
9	22120074	Nguyễn Thị Mỹ Liên	07/02/2004	Nữ	2.94	136	Khá	311/2026/DHCQ_NLU
10	22120078	Lê Trần Ngọc Linh	01/01/2004	Nữ	3.42	136	Giỏi	312/2026/DHCQ_NLU
11	22120094	Trần Triệu Mẫn	20/05/2004	Nữ	3.37	136	Giỏi	313/2026/DHCQ_NLU
12	22120098	Phan Thị Diễm My	20/06/2004	Nữ	3.21	136	Giỏi	314/2026/DHCQ_NLU
13	22120106	Ngô Như Ngọc	01/01/2002	Nữ	3.36	136	Giỏi	315/2026/DHCQ_NLU
14	22120131	Nguyễn Thị Ánh Như	12/08/2003	Nữ	3.61	136	Xuất sắc	316/2026/DHCQ_NLU
15	22120151	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	01/10/2004	Nữ	3.91	136	Xuất sắc	317/2026/DHCQ_NLU
16	22120156	Nguyễn Hoàng Sơn	28/02/2004	Nam	3.19	136	Khá	318/2026/DHCQ_NLU
17	22120158	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	12/10/2004	Nữ	3.82	136	Xuất sắc	319/2026/DHCQ_NLU
18	22120205	Trần Thị Tuyền	19/09/2004	Nữ	3.34	136	Giỏi	320/2026/DHCQ_NLU
19	22120170	Lê Thị Thu Thảo	28/04/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	321/2026/DHCQ_NLU
20	22120173	Nguyễn Thái Khoa Thi	30/11/2004	Nữ	3.61	136	Xuất sắc	322/2026/DHCQ_NLU
21	22120198	Trần Đoàn Thanh Trúc	09/11/2004	Nữ	3.00	136	Khá	323/2026/DHCQ_NLU
DH22QT								
1	22122071	Ngô Thị Ngọc Hà	17/06/2004	Nữ	3.88	136	Xuất sắc	324/2026/DHCQ_NLU
2	22122088	Trương Thị Mỹ Hạnh	20/09/2004	Nữ	3.72	137	Xuất sắc	325/2026/DHCQ_NLU
3	22122095	Đặng Ngọc Hào	09/02/2004	Nữ	2.79	137	Khá	326/2026/DHCQ_NLU
4	22122081	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	17/01/2004	Nữ	3.12	137	Khá	327/2026/DHCQ_NLU
5	22122106	Nguyễn Thị Khánh Hiệp	23/06/2004	Nữ	3.25	138	Giỏi	328/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	22122113	Trần Thị Ngọc	Hoa	22/12/2004	Nữ	3.60	137	Xuất sắc	329/2026/DHCQ_NLU
7	22122136	Phan Thị Ngọc	Huyền	02/03/2004	Nữ	3.39	137	Giỏi	330/2026/DHCQ_NLU
8	22122150	Hồ Mỹ	Kiều	17/12/2004	Nữ	3.63	138	Xuất sắc	331/2026/DHCQ_NLU
9	22122173	Trần Ngọc Yến	Linh	07/01/2004	Nữ	3.89	137	Xuất sắc	332/2026/DHCQ_NLU
10	22122179	Dương Thị	Luyến	10/10/2004	Nữ	3.49	136	Giỏi	333/2026/DHCQ_NLU
11	22122186	Hồ Ngọc Xuân	Mai	20/01/2004	Nữ	3.40	138	Giỏi	334/2026/DHCQ_NLU
12	22122191	Châu Huệ	Mẫn	17/09/2004	Nữ	3.46	136	Giỏi	335/2026/DHCQ_NLU
13	22122271	Lê Thị	Nương	24/09/2004	Nữ	3.68	137	Xuất sắc	336/2026/DHCQ_NLU
14	22122218	Bùi Thị Hồng	Ngọc	25/03/2004	Nữ	3.30	137	Giỏi	337/2026/DHCQ_NLU
15	22122222	Lê Đoàn Bích	Ngọc	11/11/2004	Nữ	3.18	138	Khá	338/2026/DHCQ_NLU
16	22122241	Cao Nguyễn Quỳnh	Nhi	04/04/2004	Nữ	3.16	137	Khá	339/2026/DHCQ_NLU
17	22122267	Võ Thị Huỳnh	Như	18/05/2004	Nữ	3.43	137	Giỏi	340/2026/DHCQ_NLU
18	22122261	Lê Thị Tố	Như	15/08/2004	Nữ	3.07	138	Khá	341/2026/DHCQ_NLU
19	22122302	Nguyễn Huỳnh Trung	Quỳnh	10/01/2004	Nữ	3.38	138	Giỏi	342/2026/DHCQ_NLU
20	22122308	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	04/01/2004	Nữ	3.09	137	Khá	343/2026/DHCQ_NLU
21	22122391	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	10/05/2004	Nữ	3.12	136	Khá	344/2026/DHCQ_NLU
22	22122446	Phan Thị Ngọc	Tuyết	13/01/2004	Nữ	3.28	136	Giỏi	345/2026/DHCQ_NLU
23	22122353	Hoàng Quỳnh	Thi	01/08/2004	Nữ	3.41	138	Giỏi	346/2026/DHCQ_NLU
24	22122356	Cổ Nguyễn Minh	Thơ	04/10/2004	Nữ	3.28	138	Giỏi	347/2026/DHCQ_NLU
25	22122364	Đoàn Thị Minh	Thư	03/02/2004	Nữ	2.89	136	Khá	348/2026/DHCQ_NLU
26	22122406	Huỳnh Thị Ngọc	Trang	26/02/2004	Nữ	3.05	137	Khá	349/2026/DHCQ_NLU
27	22122464	Nguyễn Tường	Vì	17/02/2004	Nữ	3.25	138	Giỏi	350/2026/DHCQ_NLU
28	22122470	Phạm Hoàn	Vũ	02/07/2004	Nam	3.58	137	Giỏi	351/2026/DHCQ_NLU
29	22122484	Phạm Thị Như	Yến	08/04/2004	Nữ	3.80	138	Xuất sắc	352/2026/DHCQ_NLU
DH22QTCB									
1	22122230	Trần Gia	Nguyễn	05/01/2004	Nam	3.06	139	Khá	353/2026/DHCQ_NLU
2	22122432	Nguyễn Minh	Tuấn	08/12/2004	Nam	3.56	137	Giỏi	354/2026/DHCQ_NLU
3	22122418	Trương Minh	Triết	22/12/2004	Nam	3.14	139	Khá	355/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22TC								
1	22122002	Nguyễn Đặng Phước	An	Nữ	3.43	139	Giỏi	356/2026/DHCQ_NLU
2	22122104	Phạm Quang	Hiển	Nam	3.58	138	Giỏi	357/2026/DHCQ_NLU
3	22122255	Quan Chung	Nhi	Nữ	3.33	138	Giỏi	358/2026/DHCQ_NLU
4	22122276	Đỗ Thị Hồng	Phấn	Nữ	3.44	138	Giỏi	359/2026/DHCQ_NLU
5	22122347	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	3.53	139	Giỏi	360/2026/DHCQ_NLU
6	22122413	Tạ Thị Thùy	Trang	Nữ	3.14	139	Khá	361/2026/DHCQ_NLU
DH22TM								
1	22122001	Lê Thị Thủy	An	Nữ	3.25	137	Giỏi	362/2026/DHCQ_NLU
2	22122012	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	3.69	138	Xuất sắc	363/2026/DHCQ_NLU
3	22122021	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	3.32	137	Giỏi	364/2026/DHCQ_NLU
4	22122005	Dương Quốc	Án	Nam	3.53	138	Giỏi	365/2026/DHCQ_NLU
5	22122034	Phạm Cao	Cường	Nam	2.96	138	Khá	366/2026/DHCQ_NLU
6	22122036	Đặng Duy	Danh	Nam	3.47	137	Giỏi	367/2026/DHCQ_NLU
7	22122055	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	3.76	137	Xuất sắc	368/2026/DHCQ_NLU
8	22122045	Lê Minh	Đạt	Nam	3.32	136	Giỏi	369/2026/DHCQ_NLU
9	22122070	Trần Thị Hồng	Giang	Nữ	2.98	136	Khá	370/2026/DHCQ_NLU
10	22122076	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	3.49	136	Giỏi	371/2026/DHCQ_NLU
11	22122103	Võ Thị Thủy	Hiển	Nữ	3.39	136	Giỏi	372/2026/DHCQ_NLU
12	22122116	Hồ Thị Thanh	Hồng	Nữ	3.50	138	Giỏi	373/2026/DHCQ_NLU
13	22122121	Phạm Thị	Hồng	Nữ	3.29	139	Giỏi	374/2026/DHCQ_NLU
14	22122137	Huỳnh Thị Thủy	Huỳnh	Nữ	3.76	137	Xuất sắc	375/2026/DHCQ_NLU
15	22122131	Trần Cao	Hữu	Nam	3.64	136	Xuất sắc	376/2026/DHCQ_NLU
16	22122147	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	3.36	136	Giỏi	377/2026/DHCQ_NLU
17	22122206	Nguyễn Thị Thu	Năm	Nữ	3.34	137	Giỏi	378/2026/DHCQ_NLU
18	22122207	Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	3.68	136	Xuất sắc	379/2026/DHCQ_NLU
19	22122211	Lê Tuyết	Ngân	Nữ	3.62	137	Xuất sắc	380/2026/DHCQ_NLU
20	22122229	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	3.46	137	Giỏi	381/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
21	22122249	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	30/08/2004	Nữ	3.09	136	Khá	382/2026/DHCQ_NLU
22	22122269	Trương Thị Yến	Nhung	14/09/2004	Nữ	3.52	137	Giỏi	383/2026/DHCQ_NLU
23	22122286	Đinh Ngọc Thanh	Phuong	17/09/2004	Nữ	3.50	137	Giỏi	384/2026/DHCQ_NLU
24	22122304	Võ Hoàng	Quỳnh	20/09/2004	Nam	3.32	138	Giỏi	385/2026/DHCQ_NLU
25	22122300	Lê Hoàng Mộng	Quỳnh	31/01/2004	Nữ	2.89	136	Khá	386/2026/DHCQ_NLU
26	22122311	Ngô Nguyễn Huy	Quỳnh	30/12/2004	Nữ	3.29	137	Giỏi	387/2026/DHCQ_NLU
27	22122307	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	07/12/2004	Nữ	3.30	138	Giỏi	388/2026/DHCQ_NLU
28	22122330	Đào Hoàng Duy	Tân	02/01/2004	Nam	3.42	136	Giỏi	389/2026/DHCQ_NLU
29	22122398	Nguyễn Quốc	Toán	09/08/2004	Nam	3.81	136	Xuất sắc	390/2026/DHCQ_NLU
30	22122440	Nguyễn Phương	Tuyền	11/11/2003	Nữ	3.23	137	Giỏi	391/2026/DHCQ_NLU
31	22122340	Trần Thị	Thành	02/08/2004	Nữ	2.89	136	Khá	392/2026/DHCQ_NLU
32	22122350	Trần Thị Thanh	Thảo	07/04/2004	Nữ	3.33	136	Giỏi	393/2026/DHCQ_NLU
33	22122354	Lê Nguyễn	Thị	18/08/2004	Nữ	3.41	137	Giỏi	394/2026/DHCQ_NLU
34	22122377	Thái Ngọc	Thương	26/01/2004	Nữ	3.23	137	Giỏi	395/2026/DHCQ_NLU
35	22122388	Nguyễn Thị Kim	Thy	14/05/2004	Nữ	3.51	137	Giỏi	396/2026/DHCQ_NLU
36	22122401	Phan Thị Bích	Trâm	08/09/2004	Nữ	3.80	137	Xuất sắc	397/2026/DHCQ_NLU
37	22122422	Trần Thị Thanh	Trúc	04/12/2004	Nữ	3.65	137	Xuất sắc	398/2026/DHCQ_NLU
38	22122423	Võ Ngọc Thanh	Trúc	12/07/2004	Nữ	2.98	137	Khá	399/2026/DHCQ_NLU
39	22122458	Phạm Thị Thúy	Vân	25/07/2004	Nữ	3.56	136	Giỏi	400/2026/DHCQ_NLU
40	22122481	Hà Thị Kim	Ý	23/07/2004	Nữ	3.43	136	Giỏi	401/2026/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp									
DH17GN									
1	17115099	Phạm Viết Tiến	Thành	02/12/1998	Nam	2.56	136	Khá	402/2026/DHCQ_NLU
DH18CB									
1	18115119	Phan Minh	Vy	17/07/2000	Nữ	2.74	137	Khá	403/2026/DHCQ_NLU
DH18GN									
1	18115024	Nguyễn Lê Thùy	Duyên	05/05/2000	Nữ	2.67	136	Khá	404/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CB								
1	20115301	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	15/11/2002	Nam	3.29	160	Giỏi	405/2026/DHCQ_NLU
DH20GN								
1	20114061	Nguyễn Thanh Tâm	22/11/2002	Nữ	3.55	159	Giỏi	406/2026/DHCQ_NLU
2	20115259	Võ Quốc Thắng	19/08/2002	Nam	3.03	158	Khá	407/2026/DHCQ_NLU
DH20LN								
1	20114059	Nguyễn Thị Hồng Diễm	17/11/2002	Nữ	2.70	160	Khá	408/2026/DHCQ_NLU
2	20114041	Lê Gia Hưng	02/06/2002	Nam	2.80	160	Khá	409/2026/DHCQ_NLU
DH21CB								
1	21115251	Lê Anh Đức	07/12/2003	Nam	3.20	159	Giỏi	410/2026/DHCQ_NLU
2	21113186	Lê Thị Mỹ Hòa	08/02/2003	Nữ	3.03	159	Khá	411/2026/DHCQ_NLU
3	21115187	Lê Quỳnh Như	11/01/2003	Nữ	3.60	159	Xuất sắc	412/2026/DHCQ_NLU
4	21115228	Bùi Thanh Toàn	22/09/2003	Nam	2.77	159	Khá	413/2026/DHCQ_NLU
5	21115245	Trần Nhựt Vinh	14/01/2003	Nam	3.43	159	Giỏi	414/2026/DHCQ_NLU
DH21GB								
1	21115233	Dương Văn Trong	18/03/2002	Nam	2.96	158	Khá	415/2026/DHCQ_NLU
DH21GN								
1	21115118	Nguyễn Ngọc Kiều Anh	25/09/2003	Nữ	2.95	158	Khá	416/2026/DHCQ_NLU
2	21115257	Nguyễn Lương Hoài Tâm	11/12/2003	Nam	2.81	158	Khá	417/2026/DHCQ_NLU
3	21115218	Phạm Vũ Quỳnh Thư	29/03/2003	Nữ	3.50	158	Giỏi	418/2026/DHCQ_NLU
DH21LN								
1	21114019	Nguyễn Tiến Đại	15/05/2003	Nam	3.28	158	Giỏi	419/2026/DHCQ_NLU
2	21114035	Phạm Nhật Lệ	03/01/2003	Nữ	2.72	159	Khá	420/2026/DHCQ_NLU
DH21QR								
1	21164004	Nguyễn Xuân Mai	12/11/2003	Nữ	3.13	160	Khá	421/2026/DHCQ_NLU
2	21164058	Nguyễn Trần Mỹ Thanh Trúc	08/11/2003	Nữ	2.88	160	Khá	422/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22LN								
1	22114010	Lê Ngọc Khoa	12/12/1999	Nam	3.46	158	Giỏi	423/2026/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH15MT								
1	15127077	Nguyễn Trí Nhân	01/01/1996	Nam	2.66	135	Khá	424/2026/DHCQ_NLU
DH17QM								
1	17149132	Hà Siêu	04/12/1999	Nam	2.53	136	Khá	425/2026/DHCQ_NLU
DH18MT								
1	18127003	Huỳnh Thị Kim Anh	21/05/2000	Nữ	2.87	136	Khá	426/2026/DHCQ_NLU
DH18QM								
1	18149092	Huỳnh Thị Phương Thúy	06/10/2000	Nữ	2.94	137	Khá	427/2026/DHCQ_NLU
DH18TK								
1	18131055	Phùng Minh Tài	03/10/1999	Nam	2.63	137	Khá	428/2026/DHCQ_NLU
DH19CH								
1	19131067	Nguyễn Khánh Vy	02/09/2001	Nữ	2.69	137	Khá	429/2026/DHCQ_NLU
DH19ES								
1	19163005	Nguyễn Thanh Danh	08/11/2001	Nam	2.45	136	Trung bình	430/2026/DHCQ_NLU
DH19MT								
1	19127064	Huỳnh Thanh Tùng	14/07/2001	Nam	2.50	137	Khá	431/2026/DHCQ_NLU
2	19127053	Hồ Minh Thoại	18/11/2000	Nam	2.81	136	Khá	432/2026/DHCQ_NLU
DH19TK								
1	19131007	Lê Thị Mỹ Duyên	15/06/2001	Nữ	2.92	137	Khá	433/2026/DHCQ_NLU
2	19131015	Nguyễn Hoàng Khang	02/05/2001	Nam	3.01	137	Khá	434/2026/DHCQ_NLU
3	19131041	Trần Vinh Quang	17/08/2001	Nam	3.02	137	Khá	435/2026/DHCQ_NLU
4	19131052	Nguyễn Anh Thư	01/02/2001	Nữ	3.16	137	Khá	436/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20ES								
1	20157019	Phạm Thị Mai	Thi	Nữ	2.73	159	Khá	437/2026/DHCQ_NLU
DH20LA								
1	20131069	Nguyễn Hữu Văn	Văn	Nam	3.04	158	Khá	438/2026/DHCQ_NLU
DH20LH								
1	20133002	Trần Tấn Nhất	Nhất	Nam	3.35	158	Giỏi	439/2026/DHCQ_NLU
DH20MT								
1	20127148	Tô Thị Mỹ Tiên	Tiên	Nữ	2.57	159	Khá	440/2026/DHCQ_NLU
2	20127151	Đinh Ngọc Thùy Trinh	Trinh	Nữ	2.33	158	Trung bình	441/2026/DHCQ_NLU
DH20QM								
1	20149049	Đặng Nguyễn Nhật Nam	Nam	Nam	2.80	160	Khá	442/2026/DHCQ_NLU
DH21DL								
1	21157043	Dương Quốc An	An	Nam	3.15	160	Khá	443/2026/DHCQ_NLU
2	21157093	Nguyễn Thị Phú	Phú	Nữ	2.96	159	Khá	444/2026/DHCQ_NLU
3	21157026	Phạm Thuỷ Tiên	Tiên	Nữ	2.71	159	Khá	445/2026/DHCQ_NLU
4	21157103	Nguyễn Hoàng Thiên	Thiên	Nam	2.80	160	Khá	446/2026/DHCQ_NLU
5	21157105	Lê Thị Minh Thư	Thư	Nữ	2.68	159	Khá	447/2026/DHCQ_NLU
6	21157130	Huỳnh Hồng Khánh Vy	Vy	Nữ	3.07	161	Khá	448/2026/DHCQ_NLU
7	21157132	Hứa Điền Xuyên	Xuyên	Nam	3.07	160	Khá	449/2026/DHCQ_NLU
DH21ES								
1	21163064	Văn Thanh Quý Anh	Anh	Nữ	2.67	160	Khá	450/2026/DHCQ_NLU
2	21163071	Võ Kiều Duyên	Duyên	Nữ	3.32	158	Giỏi	451/2026/DHCQ_NLU
3	21163007	Đào Nguyễn Gia Hải	Hải	Nam	3.42	159	Giỏi	452/2026/DHCQ_NLU
4	21163079	Trịnh Quang Hưng	Hưng	Nam	2.85	159	Khá	453/2026/DHCQ_NLU
5	21163089	Võ Mai Uyên My	My	Nữ	2.65	158	Khá	454/2026/DHCQ_NLU
6	21163101	Đỗ Minh Nhựt	Nhựt	Nam	2.56	159	Khá	455/2026/DHCQ_NLU
7	21163110	Nguyễn Ngọc Thiện	Thiện	Nam	2.60	159	Khá	456/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21HM								
1	21166110	Đặng Thành Đạt	20/11/2003	Nam	2.77	158	Khá	457/2026/DHCQ_NLU
2	21166133	Huỳnh Anh Kiệt	11/08/2003	Nam	2.86	158	Khá	458/2026/DHCQ_NLU
3	21166134	Trịnh Tuấn Kiệt	24/07/2003	Nam	3.00	158	Khá	459/2026/DHCQ_NLU
4	21166146	Lê Trí Nghĩa	24/06/2003	Nam	2.78	158	Khá	460/2026/DHCQ_NLU
5	21166153	Nguyễn Thị Lan Phương	29/11/2003	Nữ	3.75	158	Xuất sắc	461/2026/DHCQ_NLU
6	21166158	Lâm Quang Đình Soạn	25/03/2003	Nam	2.66	158	Khá	462/2026/DHCQ_NLU
7	21166082	Huỳnh Chí Tính	30/04/2003	Nam	2.62	159	Khá	463/2026/DHCQ_NLU
8	21166102	Trần Tiêu Anh Tuấn	21/10/2003	Nam	2.97	158	Khá	464/2026/DHCQ_NLU
9	21166067	Lê Nguyễn Công Thành	15/10/2003	Nam	3.01	159	Khá	465/2026/DHCQ_NLU
10	21166162	Hoàng Nhật Thiên	23/03/2003	Nam	2.83	159	Khá	466/2026/DHCQ_NLU
11	21166176	Hoàng Ngọc Bảo Vân	07/07/2002	Nữ	3.20	158	Giỏi	467/2026/DHCQ_NLU
12	21166177	Mai Trần Quang Vinh	06/11/2003	Nam	2.88	158	Khá	468/2026/DHCQ_NLU
13	21166178	Phan Minh Vương	21/12/2003	Nam	2.51	158	Khá	469/2026/DHCQ_NLU
DH21LA								
1	21133019	Đặng Hoài Giáng Hương	17/11/2003	Nữ	3.11	158	Khá	470/2026/DHCQ_NLU
2	21133071	Phạm Vũ Thùy Tiên	30/10/2003	Nữ	3.19	158	Khá	471/2026/DHCQ_NLU
3	21133125	Nguyễn Thành Tú	13/12/2003	Nam	3.32	158	Giỏi	472/2026/DHCQ_NLU
DH21MT								
1	21127078	Nguyễn Tuấn Anh	22/06/2003	Nam	2.65	158	Khá	473/2026/DHCQ_NLU
2	21127002	Phạm Thị Kim Anh	17/08/2003	Nữ	2.85	159	Khá	474/2026/DHCQ_NLU
3	21127081	Nguyễn Thanh Bình	14/06/2003	Nam	2.85	159	Khá	475/2026/DHCQ_NLU
4	21127088	Đào Phúc Đình	10/08/2003	Nam	2.93	158	Khá	476/2026/DHCQ_NLU
5	21127005	Huỳnh Công Đạt	15/05/2003	Nam	2.63	158	Khá	477/2026/DHCQ_NLU
6	21127109	Trần Huỳnh Tuấn Kiệt	06/01/2003	Nam	2.74	158	Khá	478/2026/DHCQ_NLU
7	21127120	Nguyễn Huỳnh Thủy Nga	06/10/2003	Nữ	2.74	158	Khá	479/2026/DHCQ_NLU
8	21127121	Mai Thị Thu Ngân	01/12/2003	Nữ	2.93	158	Khá	480/2026/DHCQ_NLU
9	21127125	Nguyễn Trung Nguyên	07/07/2003	Nam	2.76	158	Khá	481/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	21127032	Lê Chí	12/07/2003	Nam	2.66	158	Khá	482/2026/DHCQ_NLU
11	21127138	Trần Đa	24/12/2003	Nam	2.76	158	Khá	483/2026/DHCQ_NLU
12	21127171	Đặng Thị Kim	06/02/2003	Nữ	2.68	158	Khá	484/2026/DHCQ_NLU
13	21127152	Nguyễn Hoàng Uyên	27/02/2003	Nữ	2.80	158	Khá	485/2026/DHCQ_NLU
14	21127157	Bùi Thị Cẩm	16/01/2003	Nữ	2.66	158	Khá	486/2026/DHCQ_NLU
15	21127159	Nguyễn Thị Ánh	16/03/2003	Nữ	2.88	158	Khá	487/2026/DHCQ_NLU
16	21127072	Võ Phan Thị Như	11/11/2003	Nữ	2.70	158	Khá	488/2026/DHCQ_NLU
DH21QM								
1	21149116	Hồ Thị Phương	02/10/2003	Nữ	2.43	159	Trung bình	489/2026/DHCQ_NLU
2	21149135	Nguyễn Thị Ngọc	10/01/2003	Nữ	2.76	159	Khá	490/2026/DHCQ_NLU
3	21149140	Lê Hoàng	28/03/2003	Nam	2.80	158	Khá	491/2026/DHCQ_NLU
4	21149144	Đỗ Khánh	05/03/2003	Nữ	2.83	158	Khá	492/2026/DHCQ_NLU
5	21149149	Võ Nhựt	28/10/2003	Nam	2.55	159	Khá	493/2026/DHCQ_NLU
6	21149146	Nguyễn Kim	18/01/2003	Nữ	2.51	160	Khá	494/2026/DHCQ_NLU
7	21149175	Huỳnh	28/01/2003	Nam	2.55	159	Khá	495/2026/DHCQ_NLU
8	21149187	Võ Thành	01/06/2003	Nam	2.36	158	Trung bình	496/2026/DHCQ_NLU
9	21149203	Võ Huỳnh Mẫn	26/03/2003	Nữ	2.44	160	Trung bình	497/2026/DHCQ_NLU
10	21149207	Trần Thị Bích	27/06/2003	Nữ	2.50	159	Khá	498/2026/DHCQ_NLU
11	21149221	Dương Nguyệt	02/07/2003	Nữ	3.14	159	Khá	499/2026/DHCQ_NLU
12	21149236	Trần Tuấn	15/10/2003	Nam	2.48	160	Trung bình	500/2026/DHCQ_NLU
13	21149234	Nguyễn Hồng	08/07/2003	Nữ	2.80	158	Khá	501/2026/DHCQ_NLU
14	21149284	Nguyễn Ngọc Thủy	13/04/2003	Nữ	2.57	159	Khá	502/2026/DHCQ_NLU
15	21149269	Trần Ngọc Thanh	19/06/2003	Nữ	2.64	158	Khá	503/2026/DHCQ_NLU
16	21149262	Nguyễn Phạm Hồng	06/07/2003	Nữ	2.72	159	Khá	504/2026/DHCQ_NLU
17	21149274	Đỗ Minh	11/06/2003	Nữ	2.65	160	Khá	505/2026/DHCQ_NLU
18	21149278	Trần Minh	30/07/2003	Nữ	3.02	158	Khá	506/2026/DHCQ_NLU
19	21149308	Nguyễn Trần Thảo	14/04/2003	Nữ	3.00	159	Khá	507/2026/DHCQ_NLU
20	21149318	Nguyễn Phương	17/11/2003	Nữ	2.36	159	Trung bình	508/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
21	21149315	Huỳnh Thị Thảo Vy	31/10/2003	Nữ	2.73	159	Khá	509/2026/DHCQ_NLU
Nông học								
DH16NHA								
1	16113054	Thạch Quốc Khánh	02/09/1998	Nam	3.05	135	Khá	545/2026/DHCQ_NLU
DH17NHC								
1	17113285	Đào Đức Huệ	11/07/1998	Nam	2.31	135	Trung bình	546/2026/DHCQ_NLU
DH19NBV								
1	19145039	Phan Trí Kiệt	27/12/2001	Nam	2.77	136	Khá	547/2026/DHCQ_NLU
2	19145044	Phạm Thành Long	04/01/2001	Nam	2.91	136	Khá	548/2026/DHCQ_NLU
DH19NHGL								
1	19113196	Aty Aty	15/10/2001	Nam	2.21	137	Trung bình	549/2026/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145091	Võ Trần Duy Anh	10/09/2002	Nam	2.62	158	Khá	550/2026/DHCQ_NLU
2	20145172	Nguyễn Thanh Tiên	11/04/2002	Nam	2.74	158	Khá	551/2026/DHCQ_NLU
DH20NHA								
1	20113224	Trần Bình Định	01/11/2002	Nam	2.37	158	Trung bình	552/2026/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113099	Lý Hiền Nhân	15/12/2002	Nam	2.92	158	Khá	553/2026/DHCQ_NLU
2	20113306	Bùi Hữu Phát	05/10/2002	Nam	2.54	158	Khá	554/2026/DHCQ_NLU
3	20113178	Nguyễn Văn Tùng	19/08/2002	Nam	2.86	158	Khá	555/2026/DHCQ_NLU
4	20113340	Huỳnh Đoàn Phúc Thiện	18/05/2002	Nam	2.61	158	Khá	556/2026/DHCQ_NLU
DH21BVA								
1	21145103	Lê Thái An	18/09/2003	Nam	3.05	158	Khá	557/2026/DHCQ_NLU
2	21145016	Nguyễn Hồng Diệu	23/07/2003	Nữ	3.53	158	Giỏi	558/2026/DHCQ_NLU
3	21145018	Dương Hoàng Duy	11/02/2003	Nam	2.58	158	Khá	559/2026/DHCQ_NLU
4	21145132	Đỗ Bình Dương	02/07/2003	Nam	3.28	158	Giỏi	560/2026/DHCQ_NLU
5	21145017	Lê Quý Đôn	16/07/2003	Nam	2.68	158	Khá	561/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	21145030	Võ Nguyễn Thị Mỹ Huyền	26/02/2003	Nữ	2.82	158	Khá	562/2026/DHCQ_NLU
7	21145036	Nguyễn Hữu Kiệt	25/09/2003	Nam	3.09	158	Khá	563/2026/DHCQ_NLU
8	21145184	Trần Hưng Phát	22/02/2003	Nam	2.68	158	Khá	564/2026/DHCQ_NLU
DH21BVB								
1	21145019	Trần Mai Duy	28/10/2003	Nữ	3.11	158	Khá	565/2026/DHCQ_NLU
2	21145033	Nguyễn Phi Khang	09/06/2003	Nam	2.55	158	Khá	566/2026/DHCQ_NLU
3	21145163	Trần Phan Kiên Long	25/09/2003	Nam	2.68	158	Khá	567/2026/DHCQ_NLU
4	21145165	Trần Tấn Lực	01/11/2003	Nam	3.36	158	Giỏi	568/2026/DHCQ_NLU
5	21145168	Nguyễn Minh Mẫn	27/09/2003	Nam	3.07	158	Khá	569/2026/DHCQ_NLU
6	21145045	Nguyễn Hạnh Nguyên	18/07/2003	Nữ	2.95	158	Khá	570/2026/DHCQ_NLU
7	21145191	Đỗ Thị Bích Phương	19/04/2003	Nữ	3.33	158	Giỏi	571/2026/DHCQ_NLU
8	21145063	Trịnh Hữu Tài	24/11/2003	Nam	2.89	158	Khá	572/2026/DHCQ_NLU
9	21145201	Huỳnh Châu Tấn Tài	18/02/2003	Nam	2.95	158	Khá	573/2026/DHCQ_NLU
10	21145232	Trần Ngọc Tú	17/03/2003	Nữ	2.85	158	Khá	574/2026/DHCQ_NLU
11	21145213	Văn Phước Thuận	20/04/2002	Nam	3.11	158	Khá	575/2026/DHCQ_NLU
12	21145070	Nguyễn Thị Lan Thư	22/11/2003	Nữ	2.90	158	Khá	576/2026/DHCQ_NLU
13	21145221	Nguyễn Thị Trang	04/02/2003	Nữ	3.16	158	Khá	577/2026/DHCQ_NLU
14	21145220	Châu Nguyễn Bảo Trân	29/07/2003	Nữ	3.39	158	Giỏi	578/2026/DHCQ_NLU
15	21145228	Lê Minh Trung	15/12/2003	Nam	2.99	158	Khá	579/2026/DHCQ_NLU
16	21145247	Trần Quốc Trường Vinh	27/12/2003	Nam	2.86	158	Khá	580/2026/DHCQ_NLU
DH21NHA								
1	21113003	Lê Hoàng Thiên Ân	26/11/2003	Nữ	3.04	158	Khá	581/2026/DHCQ_NLU
2	21113197	Nguyễn Trần Gia Huy	06/05/2003	Nam	2.91	158	Khá	582/2026/DHCQ_NLU
3	21113204	Dương Hồ Khang	04/09/2002	Nam	3.09	158	Khá	583/2026/DHCQ_NLU
4	21113211	Đặng Ngọc Lan	28/04/2003	Nữ	3.00	158	Khá	584/2026/DHCQ_NLU
5	21113115	Nguyễn Thanh Tuyền	27/08/2003	Nữ	2.91	158	Khá	585/2026/DHCQ_NLU
6	21113900	Nguyễn Ngọc Thanh	03/08/2001	Nữ	3.05	158	Khá	586/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21NHB								
1	21113020	Trịnh Thế Hiếu	09/02/2003	Nam	2.59	158	Khá	587/2026/DHCQ_NLU
2	21113198	Phan Nhựt Huy	21/06/2003	Nam	2.72	158	Khá	588/2026/DHCQ_NLU
3	21113212	Phạm Văn Lan	18/06/2003	Nữ	3.00	158	Khá	589/2026/DHCQ_NLU
4	21111074	Trà Minh Lợi	06/01/2003	Nữ	3.44	158	Giỏi	590/2026/DHCQ_NLU
5	21113226	Nguyễn Hồng Cẩm Ly	27/01/2003	Nữ	2.60	158	Khá	591/2026/DHCQ_NLU
6	21113232	Nguyễn Huỳnh Diễm My	11/12/2003	Nữ	2.89	158	Khá	592/2026/DHCQ_NLU
7	21113250	Đỗ Tâm Như	14/04/2003	Nữ	2.53	158	Khá	593/2026/DHCQ_NLU
8	21113260	Huỳnh Triều Phong	03/05/2003	Nam	3.08	158	Khá	594/2026/DHCQ_NLU
9	21113075	Mai Thị Kim Sang	20/02/2003	Nữ	2.96	158	Khá	595/2026/DHCQ_NLU
10	21113076	Nguyễn Hoàng Sang	16/02/2003	Nam	2.83	158	Khá	596/2026/DHCQ_NLU
11	21113100	Trương Thị Thảo Tiên	08/06/2003	Nữ	2.70	158	Khá	597/2026/DHCQ_NLU
12	21113291	La Hồng Thắm	30/07/2003	Nữ	2.74	158	Khá	598/2026/DHCQ_NLU
DH21NHC								
1	21113251	Đỗ Thị Huỳnh Như	01/02/2003	Nữ	2.61	158	Khá	599/2026/DHCQ_NLU
2	21113293	Nguyễn Thị Phương Thanh	12/10/2003	Nữ	2.45	158	Trung bình	600/2026/DHCQ_NLU
3	21113305	Nguyễn Trung Thịnh	31/03/2003	Nam	2.96	158	Khá	601/2026/DHCQ_NLU
4	21113303	Lê Đức Thịnh	30/12/2003	Nam	2.98	158	Khá	602/2026/DHCQ_NLU
5	21113323	Nguyễn Tấn Triển	26/11/2003	Nam	2.69	158	Khá	603/2026/DHCQ_NLU
6	21113345	Trần Triệu Vĩ	29/08/2003	Nữ	2.88	158	Khá	604/2026/DHCQ_NLU
DH22NHA								
1	22113102	Phạm Thị Kim Yến	17/05/2004	Nữ	3.40	158	Giỏi	605/2026/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH16SP								
1	16132310	Nguyễn Minh Hùng	25/02/1996	Nam	2.17	136	Trung bình	510/2026/DHCQ_NLU
2	15132129	Nguyễn Thị Kim Yến	06/06/1996	Nữ	2.53	135	Khá	511/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH17AV								
1	17128130	Đỗ Nguyễn	01/01/1999	Nam	2.09	135	Trung bình	512/2026/DHCQ_NLU
DH18AV								
1	18128167	Đặng Thị Mỹ	16/07/2000	Nữ	2.32	136	Trung bình	513/2026/DHCQ_NLU
DH19AV								
1	19128085	Dương Minh	27/09/2001	Nam	2.78	136	Khá	514/2026/DHCQ_NLU
2	19128111	Nguyễn Hoàng Bảo	13/02/2001	Nữ	3.22	137	Khá	515/2026/DHCQ_NLU
DH19AVGL								
1	19128233	Phan Thị Ngọc	16/12/2001	Nữ	2.34	136	Trung bình	516/2026/DHCQ_NLU
DH20AV								
1	20128114	Vũ Ngọc Phương	02/01/2002	Nữ	2.43	136	Trung bình	517/2026/DHCQ_NLU
2	20128237	Đường Mạnh	24/09/2001	Nam	3.00	136	Khá	518/2026/DHCQ_NLU
3	20128257	Phạm Đặng Như	20/03/2002	Nữ	2.54	136	Khá	519/2026/DHCQ_NLU
4	20128259	Nguyễn Anh	30/09/2002	Nam	2.55	136	Khá	520/2026/DHCQ_NLU
5	20128282	Lê Thúy	25/06/2002	Nữ	3.09	136	Khá	521/2026/DHCQ_NLU
6	20128132	Dương Hùng	02/12/2002	Nam	2.33	136	Trung bình	522/2026/DHCQ_NLU
7	20128306	Trần Thị Ánh	21/10/2002	Nữ	2.74	137	Khá	523/2026/DHCQ_NLU
8	20128307	Phan Thành	17/11/2001	Nam	3.06	136	Khá	524/2026/DHCQ_NLU
9	20128296	Lê Thanh	06/03/2002	Nữ	2.20	136	Trung bình	525/2026/DHCQ_NLU
DH21AV								
1	21128211	Võ Thị Thuý	04/01/2003	Nữ	2.52	136	Khá	526/2026/DHCQ_NLU
2	21128213	Đinh Nguyễn Như	25/10/2003	Nữ	2.14	136	Trung bình	527/2026/DHCQ_NLU
3	21128225	Ngô Cao Bích	25/12/2003	Nữ	3.11	136	Khá	528/2026/DHCQ_NLU
4	21128229	Nguyễn Thị Kim	04/07/2003	Nữ	2.88	137	Khá	529/2026/DHCQ_NLU
5	21128056	Hà Văn	29/08/2003	Nam	2.62	137	Khá	530/2026/DHCQ_NLU
6	21128231	Trương Trần Châu	17/11/2003	Nữ	2.70	137	Khá	531/2026/DHCQ_NLU
7	21128069	Trần Thị Tuyết	18/08/2003	Nữ	2.10	137	Trung bình	532/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	21128236	Bùi Thùy Linh	08/07/2003	Nữ	2.80	136	Khá	533/2026/DHCQ_NLU
9	21128249	Huỳnh Ngọc Vân	01/05/2003	Nữ	2.80	137	Khá	534/2026/DHCQ_NLU
10	21128253	Lê Tấn Hoàng	05/02/2002	Nam	3.00	136	Khá	535/2026/DHCQ_NLU
11	21128270	Huỳnh Tuấn	09/07/2003	Nam	2.83	136	Khá	536/2026/DHCQ_NLU
12	21128260	Huỳnh Thị Phương	24/10/2003	Nữ	2.90	136	Khá	537/2026/DHCQ_NLU
13	21128262	Nguyễn Hữu Thiện	24/11/2003	Nam	2.68	137	Khá	538/2026/DHCQ_NLU
14	21128149	Phạm Bảo Trân	25/08/2003	Nữ	2.68	136	Khá	539/2026/DHCQ_NLU
15	21128176	Phạm Tường Vũ	05/01/2003	Nam	2.61	137	Khá	540/2026/DHCQ_NLU
16	21128178	Đặng Cát Tường	09/03/2003	Nữ	2.94	136	Khá	541/2026/DHCQ_NLU
17	21128276	Huỳnh Kim Yến	30/03/2003	Nữ	2.42	137	Trung bình	542/2026/DHCQ_NLU
DH21AVNT								
1	21128293	Trần Thị Xuân	19/07/2003	Nữ	2.75	136	Khá	543/2026/DHCQ_NLU
2	21128283	Nguyễn Ngọc Như Trang	09/03/1999	Nữ	2.50	136	Khá	544/2026/DHCQ_NLU
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH15TB								
1	15124320	Trần Thị Thu Trang	02/07/1997	Nữ	2.71	135	Khá	606/2026/DHCQ_NLU
DH19QD								
1	19124276	Ngô Quốc Thuận	02/06/2001	Nam	2.70	138	Khá	607/2026/DHCQ_NLU
DH19TB								
1	19124145	Lê Đăng Lộc	20/10/2001	Nam	2.80	138	Khá	608/2026/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124370	Nguyễn Văn Long	15/05/2002	Nam	2.72	158	Khá	609/2026/DHCQ_NLU
2	20124453	Nguyễn Cẩm Quyền	20/09/2002	Nữ	2.54	159	Khá	610/2026/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124313	Trần Nguyên Hậu	15/12/2002	Nam	2.38	158	Trung bình	611/2026/DHCQ_NLU
2	20124382	Huỳnh Quốc Nhật	08/08/2002	Nam	2.39	158	Trung bình	612/2026/DHCQ_NLU
3	20116066	Kiều Trịnh Ngọc Ngân	12/11/2002	Nữ	2.45	158	Trung bình	613/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	20124463	Nguyễn Hiếu	Tài	Nam	2.27	158	Trung bình	614/2026/DHCQ_NLU
5	20124499	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	2.53	158	Khá	615/2026/DHCQ_NLU
DH20TB								
1	20135008	Phan Đức	Hiếu	Nam	3.44	136	Giỏi	616/2026/DHCQ_NLU
2	20135106	Châu Nhật	Tiến	Nam	2.61	137	Khá	617/2026/DHCQ_NLU
DH21DC								
1	21124032	Võ Thanh Phạm	Đuẩn	Nam	2.91	159	Khá	618/2026/DHCQ_NLU
2	21124433	Nguyễn Quốc Bảo	Nguyên	Nam	2.95	159	Khá	619/2026/DHCQ_NLU
3	21124436	Đoàn Công	Nhân	Nam	3.03	159	Khá	620/2026/DHCQ_NLU
4	21124167	Võ Thảo	Như	Nữ	3.22	159	Giỏi	621/2026/DHCQ_NLU
5	21135127	Phạm Chí	Nhường	Nam	2.80	159	Khá	622/2026/DHCQ_NLU
6	21124168	Trần Minh	Nhứt	Nam	2.76	159	Khá	623/2026/DHCQ_NLU
7	21124468	Huỳnh Dương Phú	Quý	Nam	2.89	159	Khá	624/2026/DHCQ_NLU
8	21124232	Hồ Thị Xuân	Trang	Nữ	2.83	159	Khá	625/2026/DHCQ_NLU
9	21135395	Phạm Hồ Yến	Vy	Nữ	2.92	158	Khá	626/2026/DHCQ_NLU
DH21QD								
1	21124324	Nguyễn Xuân	Duy	Nam	3.18	159	Khá	627/2026/DHCQ_NLU
2	21124077	Lê Minh	Hoàng	Nam	2.72	158	Khá	628/2026/DHCQ_NLU
3	21124420	Lê Huỳnh Kim	Nga	Nữ	3.09	158	Khá	629/2026/DHCQ_NLU
4	21124513	Phạm Cẩm	Tiên	Nữ	2.89	159	Khá	630/2026/DHCQ_NLU
5	21124497	Hồ Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	2.84	158	Khá	631/2026/DHCQ_NLU
6	21124233	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	3.46	158	Giỏi	632/2026/DHCQ_NLU
7	21124241	Tống Minh	Trung	Nam	3.24	158	Giỏi	633/2026/DHCQ_NLU
DH21QL								
1	21124293	Ngô Đặng Hồng	Anh	Nữ	2.83	158	Khá	634/2026/DHCQ_NLU
2	21124302	Nguyễn Đức	Bình	Nam	2.76	160	Khá	635/2026/DHCQ_NLU
3	21124311	Nguyễn Thành	Công	Nam	2.79	158	Khá	636/2026/DHCQ_NLU
4	21124034	Hoàng	Đũng	Nam	2.68	158	Khá	637/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21124362	Phù Chí Hùng	19/02/2003	Nam	2.48	158	Trung bình	638/2026/DHCQ_NLU
6	21124384	Phạm Đăng Khương	28/11/2003	Nam	2.68	160	Khá	639/2026/DHCQ_NLU
7	21124111	Lê Thị Trúc Liên	29/12/2003	Nữ	2.44	158	Trung bình	640/2026/DHCQ_NLU
8	21124123	Trương Nhựt Linh	17/06/2003	Nam	2.59	158	Khá	641/2026/DHCQ_NLU
9	21124404	Nguyễn Duy Luật	17/06/2003	Nam	2.62	159	Khá	642/2026/DHCQ_NLU
10	21124408	Dương Thị Lý	13/02/2003	Nữ	2.83	158	Khá	643/2026/DHCQ_NLU
11	21124409	Lê Thị Ngọc Mai	27/08/2003	Nữ	2.98	159	Khá	644/2026/DHCQ_NLU
12	21124132	Huỳnh Thanh Nga	05/11/2003	Nữ	2.68	159	Khá	645/2026/DHCQ_NLU
13	21124422	Lý Văn Ngà	01/08/2003	Nam	2.72	160	Khá	646/2026/DHCQ_NLU
14	21124134	Nguyễn Thanh Ngân	13/12/2003	Nữ	2.42	159	Trung bình	647/2026/DHCQ_NLU
15	21124146	Cao Nguyễn Nhật Nguyên	15/05/2003	Nữ	2.56	160	Khá	648/2026/DHCQ_NLU
16	21124445	Trần Yên Nhi	13/11/2003	Nữ	2.68	158	Khá	649/2026/DHCQ_NLU
17	21124448	Nguyễn Thị Huỳnh Như	17/07/2003	Nữ	2.79	158	Khá	650/2026/DHCQ_NLU
18	21124172	Nguyễn Thiên Phú	30/03/2003	Nam	2.28	159	Trung bình	651/2026/DHCQ_NLU
19	21124474	Nguyễn Quang Sang	18/08/2003	Nam	2.33	158	Trung bình	652/2026/DHCQ_NLU
20	21124483	Huỳnh Văn Tân	12/04/2003	Nam	2.61	159	Khá	653/2026/DHCQ_NLU
21	21124217	Trần Huỳnh Viết Tiến	01/06/2003	Nam	2.43	158	Trung bình	654/2026/DHCQ_NLU
22	21124495	Nguyễn Lê Hoàng Thi	08/02/2003	Nữ	2.50	158	Khá	655/2026/DHCQ_NLU
23	21124511	Nguyễn Thị Thanh Thúy	01/10/2003	Nữ	2.66	159	Khá	656/2026/DHCQ_NLU
24	21124501	Đỗ Trần Anh Thư	05/12/2003	Nữ	2.40	158	Trung bình	657/2026/DHCQ_NLU
25	21124206	Cao Ngọc Minh Thư	10/10/2003	Nữ	2.60	159	Khá	658/2026/DHCQ_NLU
26	21124527	Nguyễn Thị Kim Trang	14/12/2003	Nữ	2.82	159	Khá	659/2026/DHCQ_NLU
27	21124224	Nguyễn Thị Bích Trâm	27/10/2003	Nữ	2.45	160	Trung bình	660/2026/DHCQ_NLU
28	21124532	Nguyễn Ngọc Trọng	17/10/2003	Nam	2.87	159	Khá	661/2026/DHCQ_NLU
29	21124243	Hứa Minh Trường	18/07/2003	Nam	2.62	158	Khá	662/2026/DHCQ_NLU
DH21QLGL								
1	21124568	Vũ Xuân Nhật Uyên	06/09/2003	Nữ	3.28	158	Giỏi	663/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21QLNT								
1	21124578	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	2.73	158	Khá	664/2026/DHCQ_NLU
DH21TB								
1	21135264	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Nữ	2.87	137	Khá	665/2026/DHCQ_NLU
2	21135267	Mã Ngọc	Gương	Nữ	3.00	137	Khá	666/2026/DHCQ_NLU
3	21135306	Nguyễn Trà	Mi	Nữ	2.84	137	Khá	667/2026/DHCQ_NLU
4	21135104	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	3.26	138	Giỏi	668/2026/DHCQ_NLU
5	21135330	Khổng Thị Hoa	Như	Nữ	3.03	137	Khá	669/2026/DHCQ_NLU
6	21135175	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	2.62	137	Khá	670/2026/DHCQ_NLU
7	21135362	Nguyễn Lệ	Thư	Nữ	2.79	137	Khá	671/2026/DHCQ_NLU
8	21135378	Võ Thị Hồng	Trinh	Nữ	3.44	137	Giỏi	672/2026/DHCQ_NLU
9	21135207	Trần Hoàng Minh	Trúc	Nữ	2.95	137	Khá	673/2026/DHCQ_NLU
10	21135396	Phạm Thị Ngọc	Yến	Nữ	2.74	137	Khá	674/2026/DHCQ_NLU
DH22QL								
1	21124443	Nguyễn Hiền	Nhi	Nữ	2.94	159	Khá	675/2026/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH17SHB								
1	17126214	Đạo Thanh	Phong	Nam	2.99	135	Khá	676/2026/DHCQ_NLU
DH18SHA								
1	18126176	Phan Bá Bảo	Tin	Nam	3.39	136	Giỏi	677/2026/DHCQ_NLU
DH18SHD								
1	18126086	Huỳnh Hải	Long	Nam	3.19	136	Khá	678/2026/DHCQ_NLU
DH19SHA								
1	19126270	Đinh Phi	Long	Nam	2.56	136	Khá	679/2026/DHCQ_NLU
DH19SHC								
1	19126251	Võ Lâm Hải	Nam	Nam	2.71	136	Khá	680/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH19SHD								
1	19126019	Thạch Trung	Cương	Nam	2.78	136	Khá	681/2026/DHCQ_NLU
2	19126105	Nguyễn Minh Đại	Nam	Nam	2.80	136	Khá	682/2026/DHCQ_NLU
3	19126227	Trương Thị Tường	Vi	Nữ	3.13	136	Khá	683/2026/DHCQ_NLU
DH20SHA								
1	20126190	Nguyễn Tấn	Bảo	Nam	3.12	158	Khá	684/2026/DHCQ_NLU
2	20126222	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	2.91	158	Khá	685/2026/DHCQ_NLU
3	20126264	Nguyễn Quang	Khải	Nam	3.15	158	Khá	686/2026/DHCQ_NLU
4	20126292	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	2.92	158	Khá	687/2026/DHCQ_NLU
5	20126339	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	3.13	158	Khá	688/2026/DHCQ_NLU
DH20SHC								
1	20126234	Tô Lam	Giang	Nữ	3.13	158	Khá	689/2026/DHCQ_NLU
2	20126323	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	2.66	158	Khá	690/2026/DHCQ_NLU
3	20126327	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	2.61	158	Khá	691/2026/DHCQ_NLU
4	20126408	Nguyễn Huỳnh Kim	Uyên	Nữ	2.88	158	Khá	692/2026/DHCQ_NLU
5	20126416	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	2.95	158	Khá	693/2026/DHCQ_NLU
DH20SHD								
1	20126226	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	Nữ	2.67	158	Khá	694/2026/DHCQ_NLU
2	20126176	Võ Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	2.67	158	Khá	695/2026/DHCQ_NLU
DH21SHA								
1	21126161	Lê Hoàng	Phúc	Nam	3.10	158	Khá	696/2026/DHCQ_NLU
2	21126181	Võ Văn	Sáng	Nam	3.27	158	Giỏi	697/2026/DHCQ_NLU
DH21SHB								
1	21126324	Ngô Ngọc	Hải	Nam	2.86	158	Khá	698/2026/DHCQ_NLU
2	21126557	Nguyễn Quốc	Trọng	Nam	3.05	158	Khá	699/2026/DHCQ_NLU
DH21SHC								
1	21126533	Nguyễn Hoàng Uyên	Thy	Nữ	2.93	158	Khá	700/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21SHD								
1	21126267	Nguyễn Hoài An	19/01/2003	Nữ	3.09	158	Khá	701/2026/DHCQ_NLU
2	21126480	Trần Văn Quốc	03/01/2003	Nam	2.54	158	Khá	702/2026/DHCQ_NLU
DH21ISM								
1	21126351	Phạm Ngọc Hoàng	21/10/2002	Nam	2.99	158	Khá	703/2026/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH17DTA								
1	17130246	Nguyễn Thanh Tính	14/06/1998	Nam	2.93	135	Khá	927/2026/DHCQ_NLU
DH19DTC								
1	19130030	Lê Như Đạt	05/01/2001	Nam	2.01	137	Trung bình	928/2026/DHCQ_NLU
DH20DTA								
1	20130196	Trần Đình Nam An	18/01/2002	Nam	2.15	158	Trung bình	929/2026/DHCQ_NLU
2	20130304	Nguyễn Thanh Liêm	21/02/2002	Nam	2.20	159	Trung bình	930/2026/DHCQ_NLU
3	20130446	Võ Minh Trí	05/01/2002	Nam	2.35	159	Trung bình	931/2026/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130299	Nguyễn Tấn Kiệt	18/12/2002	Nam	2.03	158	Trung bình	932/2026/DHCQ_NLU
2	20130465	Đặng Thế Vũ	08/01/2000	Nam	2.51	158	Khá	933/2026/DHCQ_NLU
DH20DTC								
1	20130071	Nguyễn Đình Lưu	02/11/2002	Nam	2.30	159	Trung bình	934/2026/DHCQ_NLU
2	20130150	Mai Kim Tuyết	12/06/2002	Nữ	2.13	158	Trung bình	935/2026/DHCQ_NLU
DH21DTA								
1	21130032	Nguyễn Thủy Thủy Dương	16/08/2003	Nữ	2.95	160	Khá	936/2026/DHCQ_NLU
2	21130150	Phạm Hồng Quân	12/04/2003	Nam	3.24	158	Giỏi	937/2026/DHCQ_NLU
3	21130235	Nguyễn Đức Anh Tuấn	02/01/2003	Nam	2.12	159	Trung bình	938/2026/DHCQ_NLU
DH21DTB								
1	21130299	Đỗ Việt Cường	04/05/2003	Nam	3.00	161	Khá	939/2026/DHCQ_NLU
2	21130304	Phạm Đức Đại	06/01/2003	Nam	2.82	159	Khá	940/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21130319	Trịnh Trần Sỹ	Đông	Nam	3.04	158	Khá	941/2026/DHCQ_NLU
4	21130317	Lâm Trạch	Đông	Nam	2.80	158	Khá	942/2026/DHCQ_NLU
5	21130338	Trương Nguyễn Hương	Giang	Nam	2.51	158	Khá	943/2026/DHCQ_NLU
6	21130349	Đỗ Xuân	Hậu	Nam	2.57	158	Khá	944/2026/DHCQ_NLU
7	21130380	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	2.02	158	Trung bình	945/2026/DHCQ_NLU
8	21130381	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	2.27	159	Trung bình	946/2026/DHCQ_NLU
9	21130383	Nguyễn Văn Minh	Huy	Nam	2.42	158	Trung bình	947/2026/DHCQ_NLU
10	21130375	Lê Nguyễn Gia	Huy	Nam	2.57	159	Khá	948/2026/DHCQ_NLU
11	21130394	Nguyễn Quốc Bảo	Khang	Nam	2.37	159	Trung bình	949/2026/DHCQ_NLU
DH21DTC								
1	21130441	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	2.53	160	Khá	950/2026/DHCQ_NLU
2	21130460	Lê Thành	Nhân	Nam	2.10	159	Trung bình	951/2026/DHCQ_NLU
3	21130477	Lâm Hồng	Phúc	Nam	2.04	159	Trung bình	952/2026/DHCQ_NLU
4	21130489	Đặng Minh	Quân	Nam	2.17	161	Trung bình	953/2026/DHCQ_NLU
5	21130500	Đặng Bá	Quý	Nam	3.31	158	Giỏi	954/2026/DHCQ_NLU
6	21130508	Nguyễn Thanh	Quyên	Nam	2.88	159	Khá	955/2026/DHCQ_NLU
DH21DTD								
1	21130529	Ngô Thanh	Tân	Nam	2.58	161	Khá	956/2026/DHCQ_NLU
2	21130598	Vũ Hoàng Minh	Tú	Nam	3.00	161	Khá	957/2026/DHCQ_NLU
3	21130601	Nguyễn Quốc Anh	Tuấn	Nam	3.12	158	Khá	958/2026/DHCQ_NLU
4	21130536	Trần Bùi Quốc	Thắng	Nam	3.40	158	Giỏi	959/2026/DHCQ_NLU
5	21130559	Nguyễn Hoài	Thương	Nam	2.50	161	Khá	960/2026/DHCQ_NLU
6	21130576	Phạm Trung	Trí	Nam	3.08	160	Khá	961/2026/DHCQ_NLU
7	21130577	Trần Anh	Trí	Nam	2.75	161	Khá	962/2026/DHCQ_NLU
8	21130589	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	2.90	159	Khá	963/2026/DHCQ_NLU
9	21130584	Lê Quốc	Trung	Nam	2.67	159	Khá	964/2026/DHCQ_NLU
10	21130608	Ngô Cự	Văn	Nam	2.42	158	Trung bình	965/2026/DHCQ_NLU
11	21130607	Lê Đình	Văn	Nam	2.36	159	Trung bình	966/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
12	21130612	Luu Nguyễn Thanh Vũ	08/11/2003	Nam	3.03	158	Khá	967/2026/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH17BQ								
1	17125061	Võ Thị Mỹ Duyên	21/04/1999	Nữ	2.71	136	Khá	704/2026/DHCQ_NLU
DH18BQ								
1	18145086	Phạm Lê Văn	27/08/2000	Nam	2.76	137	Khá	705/2026/DHCQ_NLU
DH18HT								
1	18139229	Lâm Kim Xuân	13/03/2000	Nữ	2.63	138	Khá	706/2026/DHCQ_NLU
DH18TP								
1	18125015	Vũ Nguyễn Tâm Anh	04/03/2000	Nữ	2.75	146	Khá	707/2026/DHCQ_NLU
2	18125058	Sung Tuyết Dung	13/09/2000	Nữ	2.66	145	Khá	708/2026/DHCQ_NLU
DH19BQ								
1	19125147	Đặng Phương Lan	25/06/2001	Nữ	2.42	137	Trung bình	709/2026/DHCQ_NLU
2	19125359	Võ Thị Thu	07/04/2001	Nữ	2.73	138	Khá	710/2026/DHCQ_NLU
DH19HS								
1	19139111	Hồ Ngọc Nhi	19/08/2001	Nữ	2.48	137	Trung bình	711/2026/DHCQ_NLU
2	19139192	Đỗ Minh Trung	07/10/2001	Nam	2.43	136	Trung bình	712/2026/DHCQ_NLU
DH19VT								
1	19125471	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01/06/2001	Nữ	2.72	138	Khá	713/2026/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125338	Trần Công Chánh	14/05/2002	Nam	2.72	159	Khá	714/2026/DHCQ_NLU
2	20125801	Cao Anh Văn	28/11/2002	Nam	2.50	158	Khá	715/2026/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125421	Nguyễn Thị Thu Hồng	24/09/2002	Nữ	2.79	159	Khá	716/2026/DHCQ_NLU
2	20125789	Trần Thị Kim Tuyền	28/02/2002	Nữ	2.86	158	Khá	717/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20HD								
1	20139191	Phạm Sơn	Điền	Nam	2.57	158	Khá	718/2026/DHCQ_NLU
2	20139379	Đỗ Tường	Vy	Nữ	2.63	159	Khá	719/2026/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139176	Nguyễn Phúc Vân	Anh	Nữ	2.73	159	Khá	720/2026/DHCQ_NLU
2	20139320	Hồ Thị	Thảo	Nữ	2.33	158	Trung bình	721/2026/DHCQ_NLU
3	20139353	Trần Thị Bảo	Trần	Nữ	2.69	159	Khá	722/2026/DHCQ_NLU
4	20139378	Đỗ Nhật Tường	Vy	Nữ	2.53	159	Khá	723/2026/DHCQ_NLU
DH20TP								
1	20125520	Lê Quang	Minh	Nam	3.14	161	Khá	724/2026/DHCQ_NLU
2	20125610	Nguyễn Văn	Ninh	Nam	2.98	168	Khá	725/2026/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125487	Phan Sỹ Tuấn	Linh	Nam	2.66	159	Khá	726/2026/DHCQ_NLU
2	20125783	Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	2.93	158	Khá	727/2026/DHCQ_NLU
DH21BQ								
1	21129559	Phan Thiên	Bảo	Nam	3.20	159	Giỏi	728/2026/DHCQ_NLU
2	21129603	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	729/2026/DHCQ_NLU
3	21125526	Ngô Thị Huỳnh	Giang	Nữ	3.10	158	Khá	730/2026/DHCQ_NLU
4	21129687	Phùng Thị Thu	Huyền	Nữ	2.48	158	Trung bình	731/2026/DHCQ_NLU
5	21129738	Trần Văn	Lộc	Nam	2.86	158	Khá	732/2026/DHCQ_NLU
6	21125193	Đoàn Thị Thảo	Mai	Nữ	2.50	158	Khá	733/2026/DHCQ_NLU
7	21129920	Đoàn Thị Thanh	Thảo	Nữ	2.38	158	Trung bình	734/2026/DHCQ_NLU
8	21129770	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	3.28	158	Giỏi	735/2026/DHCQ_NLU
9	21129749	Nguyễn Phạm Phương	Vi	Nữ	3.20	158	Giỏi	736/2026/DHCQ_NLU
DH21BQC								
1	21125541	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	Nữ	2.79	159	Khá	737/2026/DHCQ_NLU
2	21125564	Lê Thanh	Bình	Nữ	3.06	159	Khá	738/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21125672	Nguyễn Duy Hưng	27/11/2003	Nam	3.12	159	Khá	739/2026/DHCQ_NLU
4	21125719	Cao Thị Ngọc Linh	31/07/2003	Nữ	2.91	159	Khá	740/2026/DHCQ_NLU
5	21125180	Trương Thị Nhật Linh	03/09/2003	Nữ	3.14	159	Khá	741/2026/DHCQ_NLU
6	21125780	Huỳnh Thị Thu Ngân	20/07/2003	Nữ	2.88	159	Khá	742/2026/DHCQ_NLU
7	21125777	Cao Thị Kim Ngân	24/04/2003	Nữ	2.84	159	Khá	743/2026/DHCQ_NLU
8	21125835	Tạ Ái Nhi	22/05/2003	Nữ	2.85	160	Khá	744/2026/DHCQ_NLU
9	21125827	Lương Minh Yến Nhi	22/12/2003	Nữ	3.06	160	Khá	745/2026/DHCQ_NLU
10	21125474	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	24/10/2003	Nữ	3.15	159	Khá	746/2026/DHCQ_NLU
11	21125906	Trần Thị Hồng Thắm	28/08/2003	Nữ	3.06	159	Khá	747/2026/DHCQ_NLU
12	21125952	Lê Minh Thuận	15/09/2003	Nam	3.21	158	Giỏi	748/2026/DHCQ_NLU
13	21125943	Nguyễn Hoàng Minh Thư	01/12/2003	Nữ	2.95	159	Khá	749/2026/DHCQ_NLU
14	21125532	Trần Thùy Trang	27/07/2003	Nữ	3.01	159	Khá	750/2026/DHCQ_NLU
15	21125568	Ngô Thị Thanh Trúc	25/08/2003	Nữ	3.24	159	Giỏi	751/2026/DHCQ_NLU
16	21125567	Ngô Hoàng Thanh Trúc	05/11/2003	Nữ	3.07	159	Khá	752/2026/DHCQ_NLU
17	21125729	Nguyễn Phương Uyên	15/12/2003	Nữ	2.73	158	Khá	753/2026/DHCQ_NLU
DH21DD								
1	21125009	Đoàn Quốc Anh	03/07/2003	Nam	3.02	160	Khá	754/2026/DHCQ_NLU
2	21129551	Trần Thị Kim Anh	28/10/2003	Nữ	3.13	158	Khá	755/2026/DHCQ_NLU
3	21129554	Hà Thị Ngọc Ánh	23/10/2003	Nữ	2.56	160	Khá	756/2026/DHCQ_NLU
4	21125075	Trương Thị Mỹ Duyên	11/12/2003	Nữ	3.51	158	Giỏi	757/2026/DHCQ_NLU
5	21129595	Phan Huỳnh Đức	13/10/2003	Nam	2.72	159	Khá	758/2026/DHCQ_NLU
6	21129641	Nguyễn Chí Hào	30/11/2003	Nam	2.48	160	Trung bình	759/2026/DHCQ_NLU
7	21129644	Hoàng Thị Huyền Hào	26/02/2003	Nữ	2.25	158	Trung bình	760/2026/DHCQ_NLU
8	21129631	Phạm Hoài Hân	19/07/2003	Nữ	2.86	159	Khá	761/2026/DHCQ_NLU
9	21129649	Nguyễn Lê Minh Hậu	07/06/2003	Nam	3.64	158	Xuất sắc	762/2026/DHCQ_NLU
10	21129664	Phạm Thanh Hòa	22/05/2003	Nam	2.76	160	Khá	763/2026/DHCQ_NLU
11	21129752	Văn Thị Thanh Mai	30/09/2003	Nữ	3.76	158	Xuất sắc	764/2026/DHCQ_NLU
12	21125324	Trịnh Thị Xuân Quỳnh	27/02/2003	Nữ	3.02	159	Khá	765/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
13	21125331	Nguyễn Tiểu	Song	15/12/2003	Nữ	2.44	159	Trung bình	766/2026/DHCQ_NLU
14	21129927	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/12/2003	Nữ	2.60	159	Khá	767/2026/DHCQ_NLU
15	21125342	Nguyễn Lê Vũ Hồng	Thắm	01/01/2003	Nữ	2.69	158	Khá	768/2026/DHCQ_NLU
16	21125343	Văn Hồng	Thắm	06/04/2003	Nữ	2.87	160	Khá	769/2026/DHCQ_NLU
17	21129936	Nguyễn Quốc	Thịnh	28/11/2003	Nam	3.06	158	Khá	770/2026/DHCQ_NLU
18	21129970	Phan Thị Như	Thuyền	01/06/2003	Nữ	3.25	158	Giỏi	771/2026/DHCQ_NLU
19	21129001	Nguyễn Thùy	Trang	17/08/2003	Nữ	3.35	159	Giỏi	772/2026/DHCQ_NLU
20	21125445	Trương Thị Quỳnh	Trang	09/06/2003	Nữ	2.86	158	Khá	773/2026/DHCQ_NLU
DH21HD									
1	21139234	Trần Thị Ngọc	Ánh	11/11/2003	Nữ	2.86	159	Khá	774/2026/DHCQ_NLU
2	21139250	Nguyễn Thị Hồng	Đào	13/08/2003	Nữ	3.08	160	Khá	775/2026/DHCQ_NLU
3	21139279	Giảng Gia	Hân	03/06/2003	Nữ	3.00	158	Khá	776/2026/DHCQ_NLU
4	21139286	Nguyễn Kim	Hiền	19/12/2003	Nữ	2.91	159	Khá	777/2026/DHCQ_NLU
5	21139290	Nguyễn Đoàn Văn	Hiệp	12/11/2003	Nam	2.97	159	Khá	778/2026/DHCQ_NLU
6	21139308	Nguyễn Duy	Kha	29/12/2003	Nam	3.16	158	Khá	779/2026/DHCQ_NLU
7	21139312	Huỳnh Tuấn	Khanh	24/10/2003	Nam	2.90	158	Khá	780/2026/DHCQ_NLU
8	21139073	Phan Trần Bảo	Khuyên	19/06/2003	Nữ	2.60	159	Khá	781/2026/DHCQ_NLU
9	21139323	Khương Tuấn	Linh	01/09/2003	Nam	2.59	158	Khá	782/2026/DHCQ_NLU
10	21139330	Nguyễn Minh	Luân	29/11/2003	Nam	3.00	159	Khá	783/2026/DHCQ_NLU
11	21139086	Trịnh Ngọc	Mai	03/09/2003	Nữ	3.35	159	Giỏi	784/2026/DHCQ_NLU
12	21139339	Văn Nguyễn Hiều	Mẫn	15/08/2003	Nữ	3.21	159	Giỏi	785/2026/DHCQ_NLU
13	21139337	Huỳnh Gia	Mẫn	06/08/2003	Nữ	2.51	159	Khá	786/2026/DHCQ_NLU
14	21139359	Lê Ngọc Xuân	Nghi	26/12/2003	Nữ	2.72	159	Khá	787/2026/DHCQ_NLU
15	21139366	Tổng Thị Thảo	Nguyễn	23/09/2003	Nữ	2.76	159	Khá	788/2026/DHCQ_NLU
16	21139106	Nguyễn Thị Hồng	Nguyệt	10/11/2002	Nữ	2.80	159	Khá	789/2026/DHCQ_NLU
17	21139111	Hồ Thảo	Nhi	02/09/2003	Nữ	3.47	158	Giỏi	790/2026/DHCQ_NLU
18	21139379	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	25/07/2003	Nữ	3.40	158	Giỏi	791/2026/DHCQ_NLU
19	21139118	Nguyễn Thị Yên	Nhi	24/09/2003	Nữ	2.92	160	Khá	792/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
20	21139123	Nguyễn Khiết	Như	12/02/2003	Nữ	2.78	158	Khá	793/2026/DHCQ_NLU
21	21139391	Trần Gia	Như	30/10/2003	Nữ	2.95	159	Khá	794/2026/DHCQ_NLU
22	21139393	Hà Kiều	Oanh	10/03/2003	Nữ	3.00	158	Khá	795/2026/DHCQ_NLU
23	21139399	Ngô Nguyễn Thiên	Phú	17/10/2003	Nam	3.39	158	Giỏi	796/2026/DHCQ_NLU
24	21139136	Đào Huỳnh Thanh	Phúc	09/11/2003	Nam	3.62	159	Xuất sắc	797/2026/DHCQ_NLU
25	21139402	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/01/2003	Nam	3.22	158	Giỏi	798/2026/DHCQ_NLU
26	21139410	Trần Thị Ngọc	Phương	21/12/2002	Nữ	3.03	158	Khá	799/2026/DHCQ_NLU
27	21139413	Phan Văn	Quý	29/03/2003	Nam	3.37	158	Giỏi	800/2026/DHCQ_NLU
28	21139414	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	30/03/2003	Nữ	3.04	160	Khá	801/2026/DHCQ_NLU
29	21139149	Thái Thị Yến	Quỳnh	04/10/2003	Nữ	2.85	159	Khá	802/2026/DHCQ_NLU
30	21139456	Sử Nguyễn Kim	Tiên	11/10/2003	Nữ	2.79	158	Khá	803/2026/DHCQ_NLU
31	21139484	Nguyễn Thị Diễm	Tú	10/02/2003	Nữ	2.89	159	Khá	804/2026/DHCQ_NLU
32	21139492	Võ Thị Thanh	Tuyền	14/01/2003	Nữ	2.56	159	Khá	805/2026/DHCQ_NLU
33	21139425	Nguyễn Quốc	Thái	13/06/2003	Nam	2.98	158	Khá	806/2026/DHCQ_NLU
34	21139432	Bùi Trần Thanh	Thảo	22/08/2003	Nữ	3.39	158	Giỏi	807/2026/DHCQ_NLU
35	21139436	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/09/2003	Nữ	2.56	160	Khá	808/2026/DHCQ_NLU
36	21139460	Trần Phương	Trà	23/06/2003	Nữ	3.05	158	Khá	809/2026/DHCQ_NLU
37	21139463	Phạm Hoàng	Trám	28/03/2003	Nữ	2.56	159	Khá	810/2026/DHCQ_NLU
38	21139194	Phạm Nhật Đan	Trình	10/10/2003	Nữ	2.90	158	Khá	811/2026/DHCQ_NLU
39	21139195	Phan Ngọc Thanh	Trúc	22/10/2003	Nữ	3.76	159	Xuất sắc	812/2026/DHCQ_NLU
40	21139480	Mai Đức	Trung	12/02/2003	Nam	2.35	159	Trung bình	813/2026/DHCQ_NLU
41	21139498	Dương Ngọc Trúc	Vy	08/03/2003	Nữ	3.31	159	Giỏi	814/2026/DHCQ_NLU
42	21139510	Phan Ngọc	Yến	27/05/2003	Nữ	3.15	158	Khá	815/2026/DHCQ_NLU
DH21HS									
1	21139240	Lê Thị Thúy	Bình	01/01/2003	Nữ	3.05	158	Khá	816/2026/DHCQ_NLU
2	21139261	Hồ Thị Thuý	Dương	08/11/2003	Nữ	2.86	159	Khá	817/2026/DHCQ_NLU
3	21139247	Nguyễn Minh	Đăng	27/05/2003	Nam	3.11	158	Khá	818/2026/DHCQ_NLU
4	21139273	Lý Châu	Giang	18/02/2003	Nữ	3.01	159	Khá	819/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21139276	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	3.48	160	Giỏi	820/2026/DHCQ_NLU
6	21139287	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	3.32	159	Giỏi	821/2026/DHCQ_NLU
7	21139060	Nguyễn Vũ	Hưng	Nam	2.83	158	Khá	822/2026/DHCQ_NLU
8	21139317	Bùi Thị Hương	Lài	Nữ	2.61	158	Khá	823/2026/DHCQ_NLU
9	21139360	Trần Thị Diễm	Nghi	Nữ	3.22	158	Giỏi	824/2026/DHCQ_NLU
10	21139364	Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	3.07	159	Khá	825/2026/DHCQ_NLU
11	21139369	Trần Huỳnh Thu	Nguyệt	Nữ	2.64	158	Khá	826/2026/DHCQ_NLU
12	21139117	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	2.56	158	Khá	827/2026/DHCQ_NLU
13	21139398	Lê Thanh	Phong	Nam	2.50	159	Khá	828/2026/DHCQ_NLU
14	21139458	Huỳnh Đức	Tiến	Nam	2.52	159	Khá	829/2026/DHCQ_NLU
15	21139459	Ngô Công	Tiến	Nam	2.61	158	Khá	830/2026/DHCQ_NLU
16	21139200	Lâm Nguyễn Chí	Tường	Nam	2.53	158	Khá	831/2026/DHCQ_NLU
17	21139437	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	2.72	159	Khá	832/2026/DHCQ_NLU
18	21139441	Từ Thanh	Thịnh	Nam	2.77	159	Khá	833/2026/DHCQ_NLU
19	21139452	Nguyễn Hiền	Thục	Nữ	2.69	158	Khá	834/2026/DHCQ_NLU
20	21139193	Nguyễn Lý Trang	Trinh	Nam	3.05	158	Khá	835/2026/DHCQ_NLU
21	21139493	Mai Hoàng Dạ	Uyên	Nữ	2.67	158	Khá	836/2026/DHCQ_NLU
22	21139501	Nguyễn Thị	Vy	Nữ	2.82	158	Khá	837/2026/DHCQ_NLU
DH21HT								
1	21139229	Phạm Hoàng Văn	Anh	Nữ	2.89	159	Khá	838/2026/DHCQ_NLU
2	21139225	Nguyễn Hoàng Xuân	Anh	Nữ	2.68	159	Khá	839/2026/DHCQ_NLU
3	21139249	Nguyễn Thành	Danh	Nam	2.63	159	Khá	840/2026/DHCQ_NLU
4	21139254	Thái Ngọc	Diễm	Nữ	3.20	160	Giỏi	841/2026/DHCQ_NLU
5	21139264	Huỳnh Anh	Duy	Nam	3.10	159	Khá	842/2026/DHCQ_NLU
6	21139271	Vương Kiều	Duyên	Nữ	2.86	160	Khá	843/2026/DHCQ_NLU
7	21139283	Châu Thanh	Hạnh	Nữ	2.62	160	Khá	844/2026/DHCQ_NLU
8	21139304	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	2.56	160	Khá	845/2026/DHCQ_NLU
9	21139313	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	2.66	158	Khá	846/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	21139362	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16/09/2003	Nữ	2.90	160	Khá	847/2026/DHCQ_NLU
11	21139368	Trương Thảo Nguyên	29/03/2003	Nữ	3.52	160	Giỏi	848/2026/DHCQ_NLU
12	21139371	Đỗ Trọng Nhân	10/09/2003	Nam	2.65	159	Khá	849/2026/DHCQ_NLU
13	21139374	Nguyễn Thị Nhẹ	04/06/2003	Nữ	3.54	158	Giỏi	850/2026/DHCQ_NLU
14	21139376	Đoàn Cẩm Nhi	13/11/2003	Nữ	3.50	158	Giỏi	851/2026/DHCQ_NLU
15	21139383	Trần Yên Nhi	13/03/2003	Nữ	2.87	159	Khá	852/2026/DHCQ_NLU
16	21139125	Tạ Thị Huỳnh Như	17/03/2003	Nữ	3.21	159	Giỏi	853/2026/DHCQ_NLU
17	21139384	Lâm Quỳnh Như	16/03/2003	Nữ	2.86	159	Khá	854/2026/DHCQ_NLU
18	21139396	Kim Thành Song Pha	18/11/2003	Nam	2.79	158	Khá	855/2026/DHCQ_NLU
19	21139401	Lê Hoàng Phúc	06/04/2003	Nam	2.99	159	Khá	856/2026/DHCQ_NLU
20	21139143	Nguyễn Lê Đăng Phương	27/02/2003	Nữ	3.15	159	Khá	857/2026/DHCQ_NLU
21	21139411	Lê Thị Bích Phụng	01/12/2003	Nữ	2.75	158	Khá	858/2026/DHCQ_NLU
22	21139412	Lê Thị Kiều Quanh	06/02/2003	Nữ	3.07	160	Khá	859/2026/DHCQ_NLU
23	21139490	Nguyễn Thanh Tuyền	20/04/2003	Nữ	2.70	158	Khá	860/2026/DHCQ_NLU
24	21139161	Nguyễn Hoàng Thanh	20/07/2003	Nam	3.22	159	Giỏi	861/2026/DHCQ_NLU
25	21139427	Đậu Thị Hoài Thanh	21/05/2003	Nữ	2.89	159	Khá	862/2026/DHCQ_NLU
26	21139433	Đỗ Thanh Thảo	05/04/2003	Nữ	2.88	159	Khá	863/2026/DHCQ_NLU
27	21139159	Lê Hoàng Thắng	01/11/2003	Nam	2.92	158	Khá	864/2026/DHCQ_NLU
28	21139445	Nguyễn Hồng Thanh Thư	06/11/2003	Nữ	2.50	160	Khá	865/2026/DHCQ_NLU
29	21139449	Trần Vũ Minh Thư	07/11/2003	Nữ	2.99	158	Khá	866/2026/DHCQ_NLU
30	21139470	Nguyễn Thị Kiều Trang	05/07/2003	Nữ	2.59	158	Khá	867/2026/DHCQ_NLU
31	21139473	Lê Minh Trí	05/03/2003	Nam	2.77	159	Khá	868/2026/DHCQ_NLU
32	21139495	Trần Thanh Vân	15/09/2003	Nữ	2.74	158	Khá	869/2026/DHCQ_NLU
33	21139505	Võ Mai Yên Vy	19/11/2003	Nữ	2.80	159	Khá	870/2026/DHCQ_NLU
DH21TP								
1	21125540	Lê Nguyễn Trâm Anh	25/09/2003	Nữ	3.61	161	Xuất sắc	871/2026/DHCQ_NLU
2	21129585	Nguyễn Văn Thành Đạt	19/09/2003	Nam	3.83	162	Xuất sắc	872/2026/DHCQ_NLU
3	21125291	Trần Hồ Vĩnh Phú	15/01/2003	Nam	3.91	161	Xuất sắc	873/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

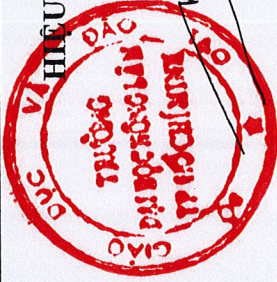
STT	Ma SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	21125880	Nguyễn Đỗ Quyên	27/11/2003	Nữ	3.67	161	Xuất sắc	874/2026/DHCQ_NLU
DH21VT								
1	21125017	Nguyễn Thị Phương Anh	10/11/2003	Nữ	2.83	158	Khá	875/2026/DHCQ_NLU
2	21125040	Nguyễn Ngọc Minh Châu	26/11/2003	Nữ	2.64	158	Khá	876/2026/DHCQ_NLU
3	21125068	Mai Thái Anh Duy	13/08/2003	Nam	3.62	158	Xuất sắc	877/2026/DHCQ_NLU
4	21129638	Nguyễn Thị Thủy Hằng	13/12/2003	Nữ	2.61	159	Khá	878/2026/DHCQ_NLU
5	21125103	Ngô Thị Mỹ Hậu	28/07/2003	Nữ	3.28	159	Giỏi	879/2026/DHCQ_NLU
6	21125112	Ngô Thị Mai Hoa	10/11/2003	Nữ	3.01	158	Khá	880/2026/DHCQ_NLU
7	21129668	Lê Thúy Hồng	30/12/2003	Nữ	3.08	158	Khá	881/2026/DHCQ_NLU
8	21129686	Đinh Thị Kim Huyền	27/10/2003	Nữ	3.00	159	Khá	882/2026/DHCQ_NLU
9	21129763	Nguyễn Thị Diễm My	05/06/2003	Nữ	2.95	159	Khá	883/2026/DHCQ_NLU
10	21125465	Trần Thị Thanh Trúc	26/11/2003	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	884/2026/DHCQ_NLU
DH22BQ								
1	22129014	Hoàng Ngọc Ánh	18/10/2004	Nữ	3.40	160	Giỏi	885/2026/DHCQ_NLU
2	22129032	Phan Thị Diễm	05/02/2004	Nữ	3.66	159	Xuất sắc	886/2026/DHCQ_NLU
3	22129059	Hồ Hoàng Thiên Giáp	29/01/2004	Nam	3.34	160	Giỏi	887/2026/DHCQ_NLU
4	22129087	Trần Thị Mai Hoa	03/05/2004	Nữ	3.05	161	Khá	888/2026/DHCQ_NLU
5	22129094	Nguyễn Thị Thiên Hương	04/02/2004	Nữ	3.62	161	Xuất sắc	889/2026/DHCQ_NLU
6	22129121	Lê Tuấn Kiệt	05/02/2004	Nam	3.39	160	Giỏi	890/2026/DHCQ_NLU
7	22129115	Nguyễn Thị Khánh	19/05/2004	Nữ	3.02	159	Khá	891/2026/DHCQ_NLU
8	22129126	Trần Thị Cẩm Lài	14/09/2004	Nữ	3.19	161	Khá	892/2026/DHCQ_NLU
9	22129127	Trần Phạm Trúc Lam	31/03/2004	Nữ	3.22	160	Giỏi	893/2026/DHCQ_NLU
10	22129128	Hồ Thị Lâm	03/10/2004	Nữ	3.43	160	Giỏi	894/2026/DHCQ_NLU
11	22129235	Lê Thị Quý	24/07/2004	Nữ	3.35	160	Giỏi	895/2026/DHCQ_NLU
12	22129304	Diệp Trần Lan Tiên	25/08/2004	Nữ	3.22	161	Giỏi	896/2026/DHCQ_NLU
13	22129282	Nguyễn Lê Anh Thư	04/03/2004	Nữ	3.04	160	Khá	897/2026/DHCQ_NLU
14	22129291	Hà Thị Hoài Thương	20/06/2004	Nữ	3.47	159	Giỏi	898/2026/DHCQ_NLU
15	22129297	Võ Thị Mỹ Thường	25/07/2004	Nữ	3.19	160	Khá	899/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22VT								
1	22129183	Nguyễn Thị Thu Ngọc	02/11/2004	Nữ	3.38	160	Giỏi	900/2026/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH17KS								
1	17116085	Phan Thị Diễm My	16/11/1999	Nữ	2.61	135	Khá	901/2026/DHCQ_NLU
DH19CT								
1	19117040	Phạm Phú Lộc	06/02/2001	Nam	2.39	136	Trung bình	902/2026/DHCQ_NLU
2	19117070	Nguyễn Thế Ngọc	02/09/2001	Nữ	2.83	136	Khá	903/2026/DHCQ_NLU
DH19NTNT								
1	19116163	Nguyễn Xuân Hậu	28/08/2001	Nam	2.53	137	Khá	904/2026/DHCQ_NLU
DH20NT								
1	20116203	Quang Minh Kha	13/10/2002	Nam	2.85	158	Khá	905/2026/DHCQ_NLU
2	20116285	Nguyễn Quốc Tuấn	12/08/2002	Nam	2.53	158	Khá	906/2026/DHCQ_NLU
3	20116263	Phạm Võ Quốc Thới	12/10/2002	Nam	2.51	158	Khá	907/2026/DHCQ_NLU
DH20NY								
1	20116201	Phan Nguyễn Anh Huy	15/04/2002	Nam	2.14	159	Trung bình	908/2026/DHCQ_NLU
2	20116228	Phan Quốc Nhân	15/11/2002	Nam	2.13	159	Trung bình	909/2026/DHCQ_NLU
DH21CT								
1	21117070	Trương Thị Ngọc Hân	26/11/2003	Nữ	2.77	158	Khá	910/2026/DHCQ_NLU
2	21117017	Võ Thái Kiệt	22/12/2002	Nam	2.36	159	Trung bình	911/2026/DHCQ_NLU
3	21117082	Lê Thanh Long	28/02/2002	Nam	2.59	159	Khá	912/2026/DHCQ_NLU
4	21117127	Cù Thị Mỹ Uyên	20/02/2003	Nữ	2.70	158	Khá	913/2026/DHCQ_NLU
5	21117055	Nguyễn Thị Kim Yén	25/09/2003	Nữ	2.56	159	Khá	914/2026/DHCQ_NLU
DH21KS								
1	21116131	Huỳnh Tấn Đạt	15/06/2003	Nam	2.27	158	Trung bình	915/2026/DHCQ_NLU
DH21NT								
1	21116111	Đoàn Quân Anh	23/05/2003	Nam	3.19	158	Khá	916/2026/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21116143	Nguyễn Hồng Hào	24/12/2003	Nữ	2.60	158	Khá	917/2026/DHCQ_NLU
3	21116028	Trần Thị Ngọc Huyền	22/10/2003	Nữ	3.01	158	Khá	918/2026/DHCQ_NLU
4	21116197	Nguyễn Hoàng Phúc	05/05/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	919/2026/DHCQ_NLU
5	21116232	Nguyễn Tấn Tới	21/11/2003	Nam	2.79	158	Khá	920/2026/DHCQ_NLU
6	21116075	Trương Huỳnh Duy Thanh	29/04/2003	Nam	2.58	158	Khá	921/2026/DHCQ_NLU
DH21NTNT								
1	21116102	Nguyễn Phan Xuân Thịnh	12/12/2003	Nam	2.45	158	Trung bình	922/2026/DHCQ_NLU
DH21NY								
1	21116136	Nguyễn Hải Duy	27/09/2003	Nữ	3.27	159	Giỏi	923/2026/DHCQ_NLU
2	21116210	Nguyễn Phạm Băng Tâm	25/12/2003	Nữ	3.01	160	Khá	924/2026/DHCQ_NLU
3	21116248	Hồ Ánh Tuyết	06/10/2003	Nữ	2.02	160	Trung bình	925/2026/DHCQ_NLU
4	21116093	Phan Xuân Thủy Trúc	22/11/2003	Nữ	2.34	159	Trung bình	926/2026/DHCQ_NLU



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn